

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG
TẠI TRÀ VINH
(PETROMEKONG)**

២៥០២៥០

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của cơ sở

CỬA HÀNG XÃNG DẦU SỐ 44

**Đ/C: ẤP ĐA HÒA NAM, XÃ HÒA LỢI,
HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

Châu Thành, tháng năm 2023

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG
TẠI TRÀ VINH
(PETROMEKONG)

២៣០២២០

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của cơ sở

CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 44

Đ/C: ÁP ĐA HÒA NAM, XÃ HÒA LỢI, HUYỆN CHÂU THÀNH,
TỈNH TRÀ VINH

CHỦ CƠ SỞ

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN
DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI TRÀ VINH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ CÔNG
NGHỆ MÔI TRƯỜNG TÂN TIẾN

GIÁM ĐỐC



(Handwritten signature)
NGUYỄN THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC



(Handwritten signature)
LÊ CHÍ LINH

Châu Thành, tháng năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH SÁCH BẢNG.....	v
DANH SÁCH HÌNH.....	vi
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỦ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	2
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	2
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở	2
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	3
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu trong quá trình hoạt động của cơ sở	
4.2. Nguồn cung cấp điện, nước trong giai đoạn hoạt động.....	3
4.3. Nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị trong giai đoạn hoạt động	4
4.4. Nhu cầu sử dụng dầu DO trong giai đoạn hoạt động	4
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	4
5.1. Vị trí địa lý	4
5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	5
5.3. Tổng mức đầu tư của cơ sở.....	6
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	7

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường7
2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường7

**CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH,
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 9**

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....9
 - 1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....9
 - 1.2. Thu gom, thoát nước thải..... 10
 - 1.3. Xử lý nước thải..... 11
- 2.2. Xử lý bụi 14
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường..... 15
 - 3.1. Chất thải rắn sinh hoạt..... 15
 - 3.2. Chất thải rắn sản xuất 16
4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại..... 16
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 17
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 17
 - 6.1. Phòng chống sét 17
 - 6.2. Phòng chống cháy nổ, phòng cháy chữa cháy 17
 - 6.3. Vệ sinh, an toàn lao động..... 19
 - 6.4. Tai nạn giao thông 19
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác 19

**CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI
TRƯỜNG..... 21**

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 21
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 23
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 25

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 26

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	26
1.1. Tần suất và thời gian thực hiện	26
1.2. Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc, thông số quan trắc.....	26
1.3. Kết quả phân tích nước thải	27
2. Kết quả quan trắc chất lượng không khí	28
2.1. Tần suất và thời gian thực hiện	28
2.2. Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc, thông số quan trắc.....	28
2.3. Kết quả phân tích nước thải	29

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ..... 32

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	32
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	32
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	32
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	32
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	32
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	33

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ..... 34

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ..... 35

PHỤ LỤC BÁO CÁO..... 36

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

NĐ	:	Nghị định
CP	:	Chính phủ
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	:	Quyết định
TTg	:	Thủ tướng
CHXD	:	Cửa hàng xăng dầu
BTNMT	:	Bộ tài nguyên môi trường
BYT	:	Bộ Y tế
TT	:	Thông tư
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
CTNH	:	Chất thải nguy hại
HĐXLCT	:	Hợp đồng xử lý chất thải
BXD	:	Bộ xây dựng

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1.1 Danh mục thiết bị, máy móc trong giai đoạn hoạt động.....	4
Bảng 1.2 Các hạng mục công trình của cửa hàng	6
Bảng 3.1 Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động.....	16
Bảng 3.2 Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cửa hàng.....	20
Bảng 4.1 Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt	22
Bảng 4.2 Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải nhiễm dầu	23
Bảng 4.3 Nồng độ khí thải do xe hai bánh phát ra	24
Bảng 4.4 Thành phần khí thải của các phương tiện xe tải, xe bồn, xe ô tô	24
Bảng 4.5 QCVN 24:2016/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.....	25
Bảng 5.1 Thống kê vị trí điểm quan trắc	26
Bảng 5.2 Kết quả quan trắc chất lượng nước thải Cửa hàng xăng dầu số 44.....	27
Bảng 5.3 Thống kê vị trí điểm quan trắc	28
Bảng 5.4 Kết quả quan trắc chất lượng không khí Cửa hàng xăng dầu số 44.....	29
Bảng 5.5 Kết quả quan trắc chất lượng không khí xung quanh Cửa hàng xăng dầu số 44	30

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1.1 Quy trình bán lẻ xăng dầu	2
Hình 1.2 Vị trí Cửa hàng xăng dầu số 44	5
Hình 3.1 Sơ đồ thu gom nước mưa không nhiễm dầu.....	9
Hình 3.2 Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải	10
Hình 3.3 Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại ba ngăn	12
Hình 3.4 Sơ đồ quy trình xử lý nước thải nhiễm dầu	13
Hình 3.5 Sơ đồ cấu tạo bể gạn dầu	13

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỦ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ doanh nghiệp: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông tại Trà Vinh.
- Địa chỉ văn phòng: Ấp Vĩnh Hưng, Xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở: Nguyễn Thanh Tùng
- Điện thoại: 0939.020.068
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh với mã số chi nhánh 1800277683-020, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006. Đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 09 tháng 04 năm 2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh với mã số địa điểm kinh doanh: 00038, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 07 năm 2015. Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 03 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Cửa hàng xăng dầu số 44
- Địa điểm cơ sở: Ấp Đa Hòa Nam, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.
- Điện thoại: 0384.068.252
- Nguồn vốn thực hiện cơ sở: 3.500.000.000đ (Ba tỷ năm trăm triệu đồng)
- Quy mô/công suất của cơ sở: Sức chứa hiện tại: 36 m³ (03 bồn).
- Loại hình hoạt động của cơ sở: Cửa hàng xăng dầu số 44 chủ yếu kinh doanh bán lẻ xăng, dầu cho các phương tiện giao thông đường bộ như: Xăng Ron 95, Xăng E5 Ron 92, Dầu DO 0,05S và nhớt.

Cơ sở thuộc dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại stt 2, mục II, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*Dự án có quy mô tương đương với dự án nhóm C theo quy định tại mục III phần A phụ lục I Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (Tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng)*) và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Sức chứa hiện tại: 36 m³ (gồm 03 bể trong đó 01 bể chứa Xăng Ron 95 có sức chứa 12 m³, 01 bể chứa Xăng E5 Ron 92 có sức chứa 12 m³ và 01 bể chứa Dầu DO 0,05S có sức chứa 12 m³). Cửa hàng được trang bị 04 trụ bơm đơn (bơm điện tử, hồng 01 trụ).

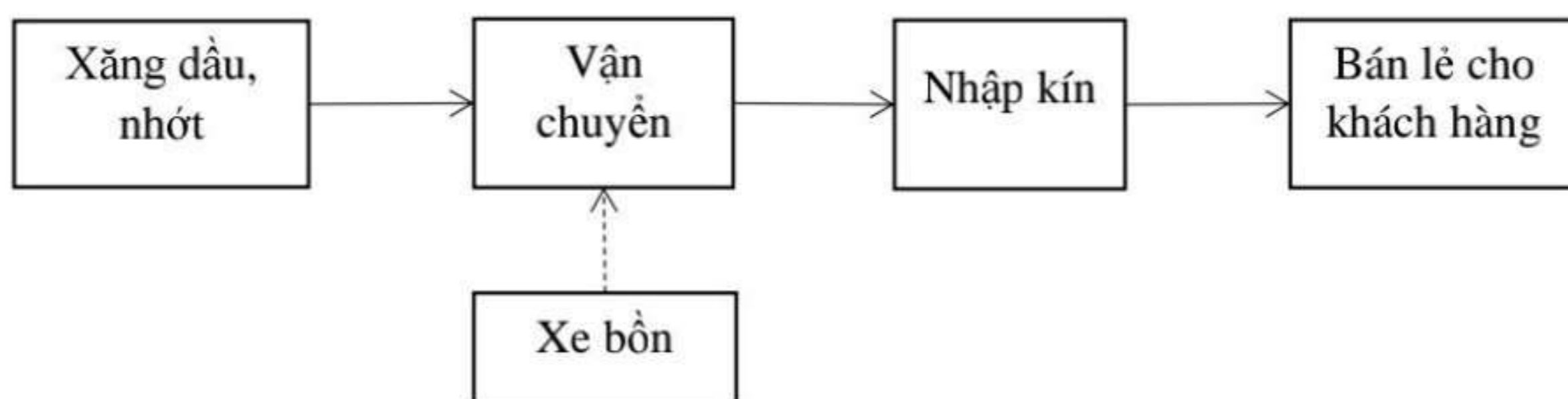
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cửa hàng xăng dầu số 44 chủ yếu kinh doanh bán lẻ xăng dầu không có hoạt động sản xuất. Nên cửa hàng không có công nghệ sản xuất.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Cửa hàng xăng dầu số 44 chủ yếu kinh doanh bán lẻ xăng, dầu cho các phương tiện giao thông đường bộ như: Xăng Ron 95, xăng E5 Ron 92, Dầu DO 0,05S và nhớt.

Quy trình bán lẻ xăng dầu tại cửa hàng như Hình 1.1:



Hình 1.1 Quy trình bán lẻ xăng dầu

Thuyết minh quy trình:

Xăng dầu được lấy từ tổng kho xăng dầu của Chi nhánh Công ty Cổ phần dầu khí Mê Kông tại Trà Vinh được vận chuyển bằng xe bồn chuyên dụng về cửa hàng, sau đó

được nhập kín vào các bồn chứa âm để dự trữ và bán lẻ cho các phương tiện giao thông vận tải.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu trong quá trình hoạt động của cơ sở

Nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình hoạt động của cửa hàng chủ yếu là Xăng Ron 95, Xăng E5 Ron 92, dầu DO 0,05S, nhớt được lấy từ tổng kho xăng dầu của Chi nhánh Công ty Cổ phần dầu khí Mê Kông tại Trà Vinh.

Cửa hàng xăng dầu số 44 có công suất bán lẻ hàng tháng ước tính khoảng 15 m³ xăng Ron 95, 10 m³/tháng Xăng E5 Ron 92, 10 m³/tháng dầu DO 0,05S, 30 lít nhớt/tháng. Tuy nhiên, khối lượng nhập còn tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng nhiên liệu của các phương tiện giao thông đến cửa hàng.

4.2. Nguồn cung cấp điện, nước trong giai đoạn hoạt động

Nguồn cung cấp điện: Hầu hết các hoạt động tại cửa hàng đều sử dụng nguồn năng lượng điện. Điện cho hoạt động của cửa hàng được lấy từ mạng lưới điện quốc gia. Điện được sử dụng chủ yếu cho mục đích chiếu sáng, sinh hoạt, trụ bơm xăng dầu tại cửa hàng. Cửa hàng đang sử dụng lượng điện trung bình 500 Kwh/tháng trong năm 2022, so với năm 2021 tiêu thụ khoảng 400 KWh/tháng (căn cứ điện năng tiêu thụ tại cửa hàng).

Nguồn cung cấp nước: Nguồn cung cấp nước cho hoạt động của cửa hàng là nguồn nước máy của tỉnh Trà Vinh. Nguồn nước phục vụ chủ yếu cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân, hoạt động tại cửa hàng. Mỗi ngày lượng nước tiêu thụ bình quân tại cửa hàng khoảng 1,27 m³.

Nước sinh hoạt: Theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn Việt Nam - Quy hoạch xây dựng thì chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt là 90 lít/người/ngày. Tổng nhân viên khi đi vào hoạt động là 03 người. Vậy ước tính nhu cầu nước sinh hoạt của nhân viên được tính như sau:

$$Q = 3 \text{ người} \times 90 \text{ lít/người/ngày} = 0,27 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Nhân viên tưới nước vệ sinh sân nền khu vực xuất xăng dầu, làm sạch mát nền, rửa

sân tránh phát sinh bụi trong khu vực cơ sở khoảng 01 ngày 01 lần. Lượng nước cần sử dụng cho một lần rửa là khoảng 01 m³/ngày.đêm.

Vậy tổng lượng nước cửa hàng sử dụng khoảng 1,27 m³/ngày.đêm.

4.3. Nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị trong giai đoạn hoạt động

Danh mục máy móc thiết bị của cửa hàng được liệt kê như sau:

Bảng 1.1 Danh mục thiết bị, máy móc trong giai đoạn hoạt động

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Trụ bơm xăng Ron 95	Cái	01
2	Trụ bơm xăng E5 Ron 92	Cái	01
3	Trụ bơm dầu DO 0,05S	Cái	01
4	Bồn chứa	Cái	03
5	Máy phát điện	Cái	01

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

Máy phát điện dự phòng được sử dụng trong trường hợp cửa hàng mất điện.

4.4. Nhu cầu sử dụng dầu DO trong giai đoạn hoạt động

Dầu DO là nhiên liệu phục vụ chủ yếu cho hoạt động của máy phát điện khi có nhu cầu cần sử dụng. Tuy nhiên, lượng nhiên liệu này sử dụng tương đối ít chỉ sử dụng khi mạng lưới điện quốc gia có thông báo tạm ngưng cung cấp điện hoặc có sự cố.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Vị trí địa lý

Cửa hàng có diện tích 1.983,2 m² được thực hiện tại Quốc lộ 53 ấp Đa Hòa Nam, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Cửa hàng có tứ cạnh tiếp giáp như sau:

- Phía Đông: Tiếp giáp Quốc lộ 53;

- Phía Tây: Tiếp giáp đất của người dân;
- Phía Nam: Tiếp giáp đất của người dân;
- Phía Bắc: Tiếp giáp đất của người dân.

Vị trí Cửa hàng xăng dầu số 44 được thể hiện trong Hình 1.2:



(Nguồn: Google Earth)

Hình 1.2 Vị trí Cửa hàng xăng dầu số 44

Cửa hàng xăng dầu số 44 nằm trên đường quốc lộ 53 có vị trí thuận lợi cho việc kinh doanh cửa hàng xăng dầu.

5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở

Cửa hàng xăng dầu số 44 xây dựng các hạng mục công trình của cửa hàng như sau:

Bảng 1.2 Các hạng mục công trình của cửa hàng

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Diện tích
A. Hạng mục chính			
1	Văn phòng	M ²	12,25
2	Bồn chứa	M ²	-
3	Trụ bơm	M ²	41
4	Nhà vệ sinh	M ²	7
5	Phòng nghỉ	M ²	12,25
6	Kho chứa	M ²	-
B. Hạng mục công trình bảo vệ môi trường			
1	Bể gạn dầu	M ²	5,7
2	Hầm tự hoại	M ²	4
3	Kho CTNH	M ²	-

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

5.3. Tổng mức đầu tư của cơ sở

Tổng mức đầu tư là 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng).

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cửa hàng xăng dầu số 44 phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển của Nhà nước theo các văn bản sau:

- Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 13/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

- Phù hợp với Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;

- Cửa hàng xăng dầu số 44 được xây dựng trên lô đất: thửa số 5, tờ bản đồ số 34 với diện tích 1.983,2 m². Cửa hàng xăng dầu số 44 hoàn toàn phù hợp quy hoạch của huyện Châu Thành.

- Cửa hàng xăng dầu số 44 nằm trên Quốc lộ 53 thuận tiện cho giao thông, đáp ứng được nhu cầu sử dụng xăng dầu của người dân, góp phần phát triển hệ thống giao thông vận tải.

Cửa hàng xăng dầu số 44 hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Đối với nước thải sinh hoạt: Cửa hàng phát sinh nước thải trong quá trình sinh hoạt của nhân viên, nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý bằng hầm tự hoại ba ngăn sau đó thu về hố gas trước khi chảy vào công thoát nước chung của đô thị nằm dọc theo Quốc lộ 53.

- Đối với nước thải nhiễm dầu: Phát sinh trong quá trình vệ sinh sân nền, giảm lượng bụi tại khu vực trụ bơm, nước mưa chảy tràn có nguy cơ nhiễm xăng dầu. Nước thải nhiễm dầu sau khi xử lý bằng bể gạn dầu sẽ theo đường ống chảy vào công thoát nước chung của đô thị nằm dọc theo Quốc lộ 53. Được giám sát và nằm trong giá trị giới hạn của QCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu - Cột B

- Đối với bụi: Toàn lượng bụi phát sinh tại cửa hàng đều được giám sát và nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- Đối với tiếng ồn, độ rung: chủ yếu phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào cửa hàng, có đặc điểm là không liên tục và phát sinh nhiều khi có nhiều phương tiện ra vào và không kéo dài. Được giám sát và nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- Đối với khí thải: Cửa hàng xăng dầu số 44 không phát sinh khí thải chủ yếu phát sinh hơi xăng dầu trong quá trình xuất nhập hàng và bán lẻ cho khách hàng. được giám sát và nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

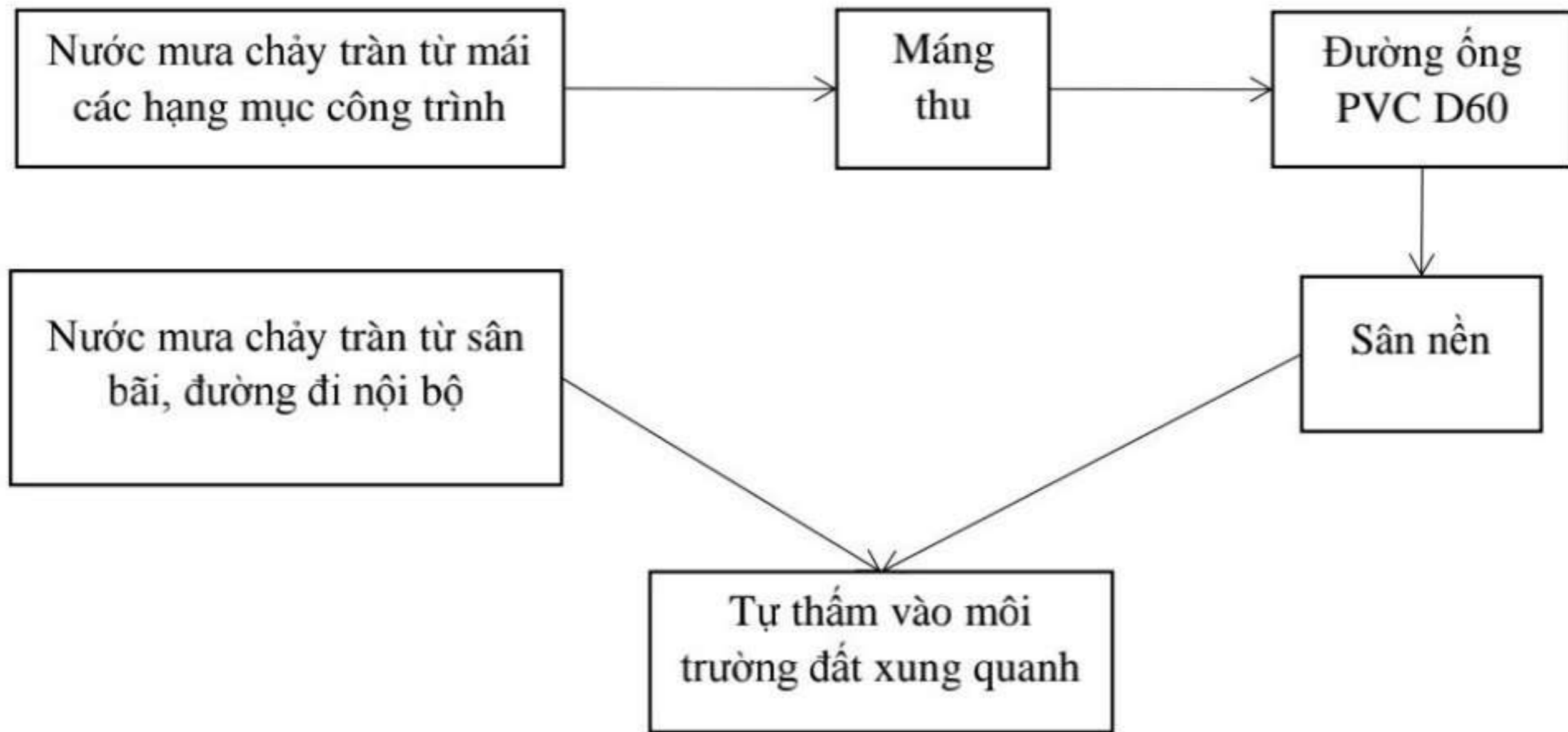
Vì vậy, việc hoạt động của cửa hàng, không gây ảnh hưởng đến môi trường.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa không làm ô nhiễm môi trường. Nếu không có biện pháp thoát nước tốt sẽ gây nên tình trạng ứ đọng nước mưa và có nguy cơ nhiễm xăng dầu.



Hình 3.1 Sơ đồ thu gom nước mưa không nhiễm dầu

Thuyết minh quy trình thu gom và thoát nước mưa không nhiễm dầu:

Nước mưa chảy tràn trên mái các hạng mục công trình được thu gom về máng thu, sau đó được dẫn vào đường ống thoát nước mưa PVC đường kính 60mm dẫn xuống sân nền xung quanh cửa hàng rồi tự thấm vào môi trường đất. Nước mưa rơi ở khu vực đất trống, sân bãi xung quanh sẽ tự thấm vào môi trường đất xung quanh cửa hàng.

Ngoài ra, để hạn chế ảnh hưởng từ nước mưa chảy tràn đến môi trường cửa hàng còn áp dụng một số biện pháp như:

- + Không để dầu nhớt, phụ gia rơi vãi.
- + Không xả rác bừa bãi ra môi trường.

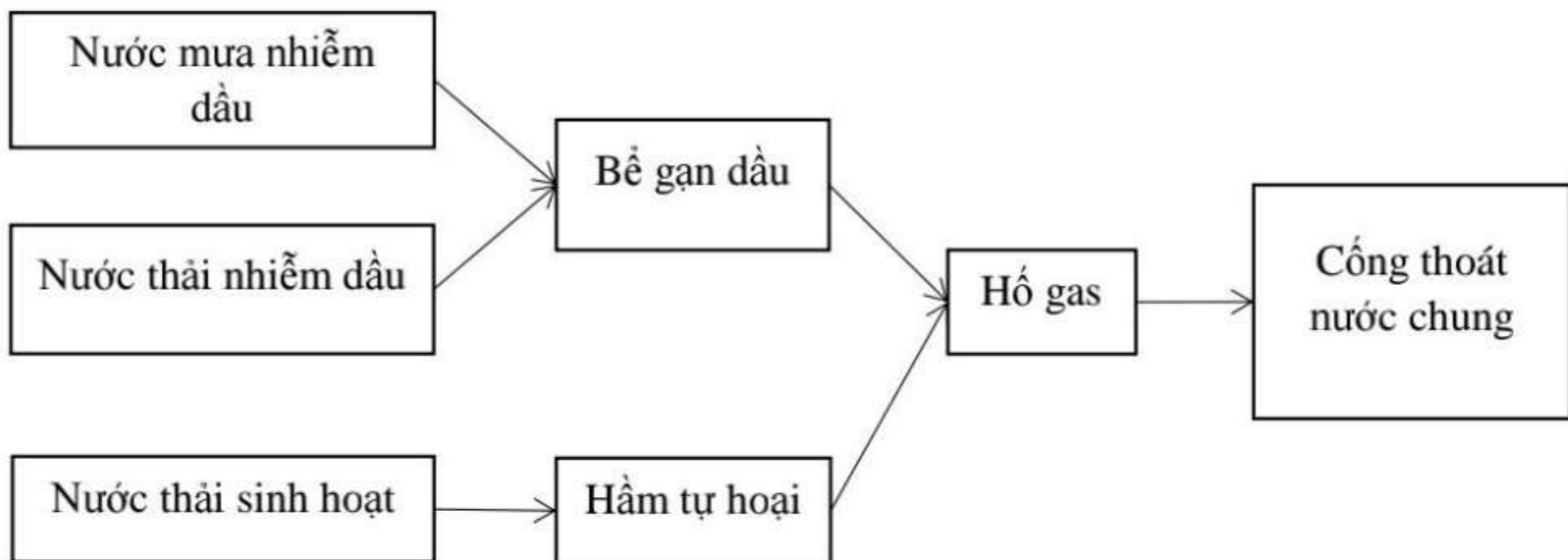
Nước mưa chảy qua khu vực bồn chứa xăng dầu, khu vực trụ bơm, khu vực rơi vãi xăng dầu đều được xem là nước thải nhiễm dầu và được thu gom vào bể gạn dầu để xử lý. Sau khi xử lý xong sẽ được dẫn vào hố gas rồi chảy vào cống thoát nước chung của đô thị bằng đường ống PVC có đường kính 110 mm.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt, vệ sinh cá nhân của nhân viên cửa hàng từ nhà vệ sinh được thu gom vào hầm tự hoại để lưu trữ và xử lý, sau khi xử lý nước thải sẽ theo đường ống dẫn PVC D110 dẫn vào hố gas trước khi thải vào cống thoát nước chung của đô thị.

Nước thải nhiễm dầu là nước vệ sinh sân nền khu vực xuất xăng dầu, làm sạch mát sân nền tránh phát sinh bụi trong khu vực cơ sở và nước mưa nhiễm dầu sẽ được thu gom về bể gạn dầu để xử lý. Nước thải sau khi xử lý xong sẽ được dẫn vào hố gas bằng đường ống PVC D110 rồi chảy vào cống thoát nước chung của đô thị.

Cửa hàng đã đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, hệ thống thoát nước thải nhiễm dầu và hệ thống thoát nước mưa tách riêng với nhau. Mỗi loại nước thải sẽ có đường ống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với nhau.



Hình 3.2 Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải

Thuyết minh quy trình thu gom và thoát nước thải mỗi loại

- Nước thải sinh hoạt: Chủ yếu là nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân, hoạt động tại cửa hàng, lưu lượng xả thải tối đa khoảng 0,27m³/ngày.đêm. Nước

thải sau khi xử lý bằng hầm tự hoại ba ngăn có thể tích 6m^3 xong sẽ được dẫn vào hố gas bằng đường ống PVC D110 rồi chảy vào cống thoát nước chung của đô thị.

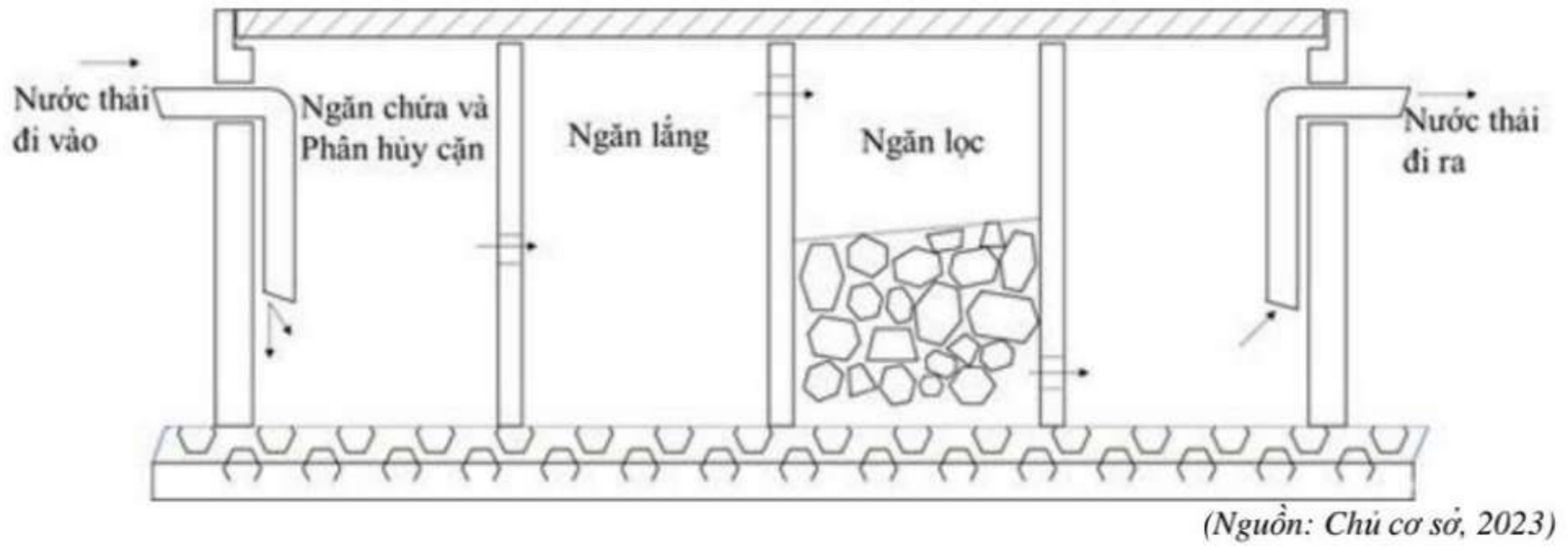
- Nước thải nhiễm dầu và nước mưa chảy tràn: Chủ yếu là nước vệ sinh sân nền khu vực xuất xăng dầu, làm sạch mát nền, rửa sân tránh phát sinh bụi. Lượng nước cần sử dụng cho một lần rửa là khoảng $01\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, lưu lượng xả thải tối đa khoảng $01\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Ngoài ra còn có nước mưa nhiễm dầu, lượng nước mưa nhiễm dầu cần xử lý tùy thuộc theo thời tiết. Vào các tháng mùa khô lượng nước mưa nhiễm dầu hầu như không phát sinh. Vào các tháng mùa mưa lượng nước mưa nhiễm dầu phát sinh với khối lượng lớn trung bình khoảng $01\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Nước mưa nhiễm dầu sau khi xử lý bằng bể gạn dầu có thể tích $6,8\text{m}^3$ xong sẽ được dẫn vào hố gas bằng đường ống PVC D110 thoát vào cống thoát nước chung của đô thị.

1.3. Xử lý nước thải

Xử lý nước thải sinh hoạt:

Hầm tự hoại

Hầm tự hoại là bể xử lý nước thải gồm ba ngăn (1 ngăn chứa, 2 ngăn lắng). Hầm tự hoại đồng thời làm 2 chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu quả xử lý đạt 65 - 70%. Với thời gian lưu nước 0,5 – 1 ngày, khoảng 90% - 92% các chất lơ lửng lắng xuống đáy bể. Nguyên tắc hoạt động của bể này là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng. Hiệu quả xử lý theo chất lơ lửng đạt 65 - 70% và theo BOD_5 là 60 - 65%. Trong mỗi bể đều có lỗ thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và tác dụng thứ hai của ống này là dùng để thông các ống đầu vào và ống đầu ra khi bị nghẹt. Nước thải sau khi qua bể tự hoại được dẫn vào hố gas bằng đường ống PVC D110 trước khi chảy vào cống thoát nước chung của đô thị. Cấu tạo hầm tự hoại như sau:



Hình 3.3 Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại ba ngăn

Thuyết minh quy trình xử lý nước thải sinh hoạt

- Ngăn thứ nhất: Tại bể chứa, toàn bộ chất thải từ nguồn theo đường ống dẫn trôi xuống ngăn chứa. Tại đây, những loại chất thải dễ bị phân hủy như protein, đạm, chất béo, nước tiểu,... sẽ nhanh chóng bị lên men và chuyển hoá thành các bùn cặn.

- Ngăn thứ hai: Các chất thải khó phân hủy còn lại sẽ được đẩy xuống ngăn lắng. Những chất này khi gặp môi trường thuận lợi về nhiệt độ, vi khuẩn sẽ chuyển hóa biến thành chất khí.

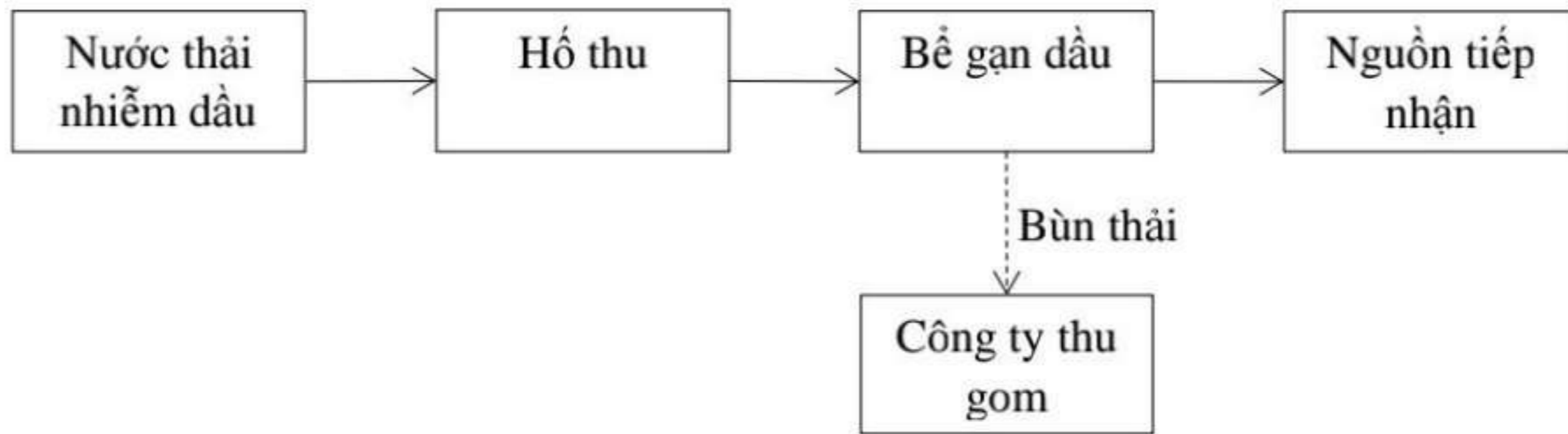
- Ngăn thứ ba: Với những chất thải lơ lửng trong nước còn sót lại sẽ từ ngăn lắng chảy qua ngăn lọc. Sau một thời gian, các chất thải này sẽ từ từ chìm xuống phần đáy bể và phân hủy. Riêng phần nước thải bên trong sẽ được đưa ra ngoài theo đường ống thoát nước.

Quá trình xử lý nước thải cơ bản như sau: lắng cặn, ổn định và lên men kỵ khí cặn lắng.

- Nước thải chuyển động chậm chậm trong bể và các chất lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể, theo thời gian cặn lắng sẽ bị phân giải yếm khí.

- Bùn trong bể tự hoại tăng lên theo thời gian, do đó sau một thời gian sử dụng cần phải rút bùn cặn khỏi bể tự hoại.

Đối với nước thải nhiễm dầu sẽ có đường ống thu gom về bể gạn dầu để xử lý.



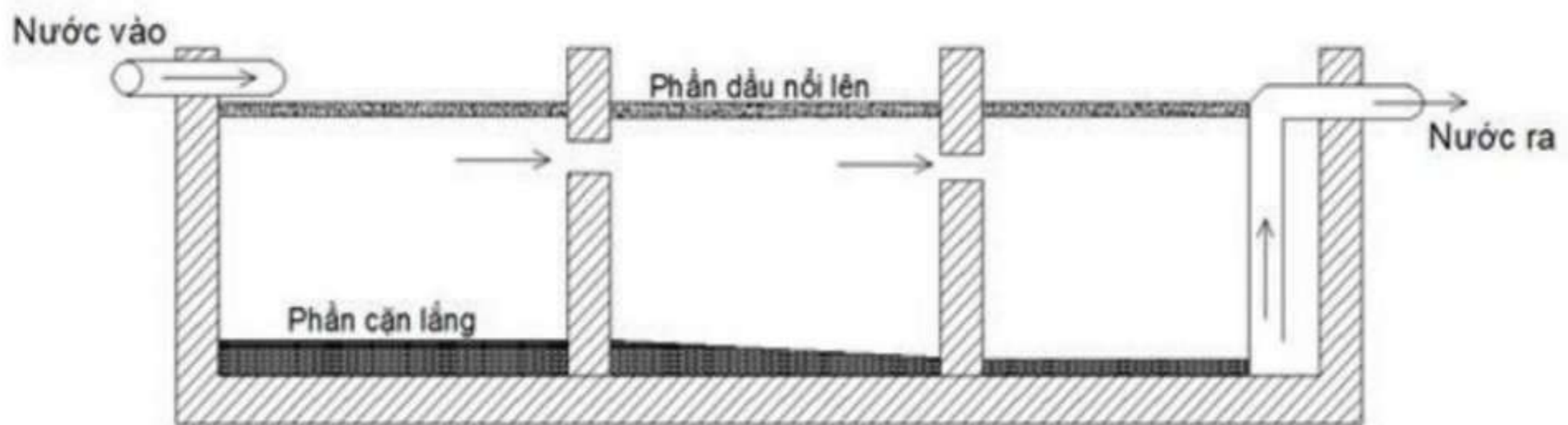
Hình 3.4 Sơ đồ quy trình xử lý nước thải nhiễm dầu

Thuyết minh quy trình xử lý nước thải nhiễm dầu:

Nước thải nhiễm dầu sẽ được thu gom về hồ thu rồi qua bể gạt dầu để tách vẩn dầu. Vẩn dầu lọc được tập trung lại một chỗ để công ty thu gom và xử lý, nước thải nhiễm dầu sau quá trình tách dầu sẽ đảm bảo chất lượng đạt quy chuẩn cho phép - QCVN 29:2010/BTNMT (cột B, Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe).

Do nhiên liệu chứa các thành phần dễ bay hơi và gây cháy nổ, doanh nghiệp bố trí nền bê tông chống lún, nước rửa nền nhiễm dầu được thu gom vào bể gạt dầu diện tích 02 m², hồ có nắp đậy, dầu được tách ra bằng phương pháp thủ công, cặn lắng được định kỳ lấy đi, sà lan có gờ cao 4 cm hạn chế xăng dầu rơi vãi ra ngoài dùng vật liệu xốp, giẻ lau chùi thấm các vết dầu rơi xung quanh các trụ bơm vắt nước cho vào thùng chứa, sau đó mang lên bờ đổ chung vào bể gạt dầu của doanh nghiệp có chứa vách ngăn lắng lọc tách ra bằng phương pháp thủ công.

Quy trình vận hành bể gạt dầu:



(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

Hình 3.5 Sơ đồ cấu tạo bể gạt dầu

Thuyết minh quy trình công nghệ của bể gạn dầu:

Bể gạn dầu hoạt động dựa vào nguyên tắc trọng lực cái gì nhẹ hơn nước thì nổi ở trên bề mặt nước. Cụ thể bể gạn dầu hoạt động chia làm hai giai đoạn với thiết kế ba ngăn như sau: Nước có nhiễm dầu được dẫn vào bể ngăn thứ nhất. Tại đây sẽ diễn ra quá trình phân hóa rõ ràng, phần nhẹ hơn là dầu sẽ bắt đầu tách ra và nổi trên mặt nước. Phần dầu nổi phía trên được thu gom bởi vớt vớt thủ công. Phần nước trong theo đường ống đặt thông dưới đáy bể sẽ được dẫn qua bể thứ hai nhờ vào cao trình mặt nước giữa hai bể. Tại bể thứ hai cũng diễn ra quá trình tương tự như ở bể thứ nhất. Phần nước trong sẽ được thoát qua ngăn thứ ba và thoát ra ngoài môi trường. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT (cột B, Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu. Quá trình vận hành bể gạn dầu không sử dụng hóa chất.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Xử lý khí thải

Cửa hàng xăng dầu số 44 không phát sinh khí thải. Chủ yếu phát sinh hơi xăng dầu trong quá trình nhập và bán xăng dầu.

Cửa hàng luôn áp dụng các biện pháp sau nhằm hạn chế ảnh hưởng đến môi trường:

- Các bồn chứa được chôn ngầm dưới đất nhằm giảm ảnh hưởng của nhiệt do bức xạ mặt trời, nhằm sự bốc hơi xăng dầu;
- Bồn chứa xăng dầu luôn vặn chặt nắp và có đệm lót cao su đầy đủ.
- Rót nguyên liệu vào bồn ở trạng thái nhúng chìm;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời đường ống và van cho bồn chứa xăng dầu.

2.2. Xử lý bụi

Các biện pháp giảm thiểu bụi phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, mua nhiên liệu:

- Tận dụng các khoảng trống xung quanh cửa hàng để bố trí chậu kiểng tạo môi trường mỹ quan cho cửa hàng. Tưới nước làm mát sân hạn chế bụi phát tán xung quanh.

- Các phương tiện giao thông đường bộ ghé vào mua xăng dầu giảm tốc độ và phải tắt máy để hạn chế ảnh hưởng bụi và tiếng ồn.

- Trồng cây xanh quanh khu vực cửa hàng tạo môi trường trong lành cho nhân viên làm việc tại cửa hàng cũng như khu vực dân cư lân cận; Trang bị bảo hộ lao động cần thiết như: khẩu trang,... nhằm giảm thiểu mùi cho nhân viên bán hàng.

2.3. Khí thải từ máy phát điện dự phòng

- Tuy khí thải máy phát điện chứa nhiều chất ô nhiễm không khí nhưng máy phát điện chỉ hoạt động khi mạng lưới điện trong khu vực gặp sự cố. Do đó, tác động đến môi trường không khí của khí thải từ máy phát điện hầu như không đáng kể.

- Trong quá trình hoạt động, cửa hàng trường sẽ định kỳ bảo dưỡng máy phát điện theo hướng dẫn của nhà sản xuất, thay dầu nhớt đúng thời gian khuyến cáo.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn phát sinh: Chủ yếu phát sinh từ sinh hoạt, ăn uống hằng ngày của công nhân. Bao gồm các hộp nhựa, túi nylon, gói đựng thức ăn, rau củ quả, thức ăn thừa,...

Theo thống kê, ước tính mỗi ngày trung bình rác thải phát sinh tại cửa hàng khoảng 2 kg.

Để giảm thiểu tác động của lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của cửa hàng đến môi trường, cửa hàng sẽ thực hiện một số biện pháp sau:

- Trang bị thùng chứa rác có nắp đậy, tránh cho ruồi muỗi phát triển và mùi hôi thoát ra gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh;

- Quy định và nhắc nhở nhân viên bỏ rác đúng nơi quy định;

- Hằng ngày, lượng rác thải này được nhân viên thu gom và tập kết rác ở cổng ra vào của cửa hàng. Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định. Mỗi ngày sẽ có xe đến thu gom chất thải.

3.2. Chất thải rắn sản xuất

Do hoạt động chính của cửa hàng là kinh doanh xăng dầu nên không phát sinh chất thải rắn sản xuất.

4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh tại Cửa hàng xăng dầu số 44 như: Bóng đèn huỳnh quang, nước thải nhiễm dầu, giẻ lau nhiễm dầu,... Khu vực chứa chất thải nguy hại được bố trí ở sau cửa hàng, nằm riêng biệt, có gờ chống tràn và biển báo. Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của cửa hàng được thu gom, phân loại triệt để và được lưu trữ trong các thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt, có nắp đậy, được gắn tên nhãn mác.

Các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cửa hàng chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, nước thải nhiễm dầu, giẻ lau nhiễm dầu,... Khối lượng của các loại chất thải này được ước tính trong bảng sau:

Bảng 3.1 Thành phần, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	2
2	Giẻ lau nhiễm dầu	18 02 01	Rắn	5
3	Bùn thải từ thiết bị tách dầu/nước	17 05 02	Bùn	10
Tổng cộng				17

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

Lượng chất thải nguy hại này sẽ được thu gom, phân loại, lưu giữ đúng theo quy định và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý (Hiện tại Công ty CP Dầu khí Mê Kông đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Sao Việt theo Hợp đồng số 01/ĐKMK.KHĐT-SV/2022/HĐXLCT ký ngày 7/9/2020 về việc cung

cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH, hợp đồng có hiệu lực 3 năm kể từ ngày ký).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung được phát ra từ máy móc thiết bị của hoạt động bán hàng, tiếng ồn từ các hoạt động này có tính chất gián đoạn, không liên tục mặt khác các máy được đặt trong các phòng kín nên những tác động này không gây ảnh hưởng đáng kể.

- Ngoài ra, tiếng ồn, độ rung còn đến từ các phương tiện giao thông ra vào cửa hàng. Tiếng ồn từ phương tiện giao thông không liên tục và chỉ phát sinh nhiều khi có nhiều phương tiện giao thông ra vào cửa hàng và đặc điểm là không kéo dài. Do tính chất của loại hình kinh doanh có nhiều phương tiện giao thông ra vào nên không thể hạn chế được tiếng ồn.

- Đối với máy phát điện dự phòng:

+ Bố trí máy phát điện cách xa các khu làm việc của nhân viên;

+ Sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì và thay thế các chi tiết hư hỏng;

+ Tuy nhiên, việc sử dụng máy phát điện chỉ diễn ra khi cúp điện nên mang tính chất không thường xuyên, vì vậy tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện sẽ không gây ảnh hưởng đáng kể.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phòng chống sét

Cửa hàng đã được lắp đặt đầy đủ các hệ thống chống sét cho toàn bộ các công trình/khu vực, được cơ quan có chức năng thẩm định và phê duyệt.

Tại mỗi trạm biến áp đều có lắp đặt hệ thống chống sét lan truyền do đơn vị thi công trạm biến áp thực hiện.

Hướng dẫn, tập huấn cho công nhân phương cách tránh sét khi có mưa giông lớn.

6.2. Phòng chống cháy nổ, phòng cháy chữa cháy

Cửa hàng đã thực hiện các phương án phòng ngừa sự cố cháy nổ tại cửa hàng xăng dầu đúng theo quy định, cụ thể như sau:

Quy định chung:

- Không hút thuốc lá, nghe điện thoại trong khu vực của cửa hàng xăng dầu;
- Không đem các vật dụng, vật liệu có khả năng gây lửa;
- Nắm chắc hiệu lệnh báo động và các lối thoát hiểm.

Đối với bồn chứa, trụ bơm xăng dầu:

- Bồn chứa được đặt ngầm dưới đất và tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn;
- Thực hiện đúng quy trình vận hành của từng loại máy móc và định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa nhằm giảm thiểu sự cố chập điện gây cháy nổ;
- Không để các nguồn phát lửa gần khu vực bồn chứa nhiên liệu và trụ bơm xăng dầu;
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc bảo trì đường ống và ngừng vận hành ngay khi có sự cố xảy ra;
- Trang bị các phương tiện phòng cháy chữa cháy (bình chữa cháy, cát, xẻng,...); kiểm tra thường xuyên và luôn giữ cho các phương tiện này trong trạng thái sẵn sàng;
- Lắp đặt các thiết bị chống sét cho khu vực bồn chứa nhiên liệu.

Đối với nhân viên làm việc tại cửa hàng:

- Phải dọn sạch ngay mọi vết loang, tràn của các chất dễ cháy, dễ bắt lửa trong quá trình làm việc;
- Phải có chứng nhận đào tạo an toàn phòng cháy chữa cháy, tham gia đầy đủ các buổi diễn tập phòng cháy chữa cháy do Công ty yêu cầu;
- Nhân viên cửa hàng xăng dầu phải am hiểu tường tận hệ thống an toàn phòng cháy chữa cháy, sử dụng thành thạo các phương tiện phòng cháy chữa cháy tại chỗ, luôn chủ động và xử lý kịp thời, đúng đắn khi có sự cố xảy ra.

Ngoài ra cửa hàng còn trang bị các thiết bị chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy, tủ đựng thiết bị phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, cát, xẻng, đồ bảo hộ khi chữa cháy (ùng, áo, nón,...)

6.3. Vệ sinh, an toàn lao động

Ngoài các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm cho môi trường khu vực cửa hàng còn thực hiện các chương trình nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của các tác nhân ô nhiễm đối với sức khỏe nhân viên như:

- Tuân thủ triệt để các điều khoản về vệ sinh an toàn lao động đối với công nhân viên làm việc tại cửa hàng xăng dầu;
- Tổ chức kiểm tra và giám định về sức khỏe định kỳ cho nhân viên;
- Trang bị quần áo và phương tiện bảo hộ lao động cho nhân viên, tạo điều kiện cho nhân viên làm việc thoải mái, dễ chịu;
- Định kỳ tiến hành kiểm tra, tu sửa thiết bị, máy móc tại cửa hàng xăng dầu.

6.4. Tai nạn giao thông

Do tính chất của cửa hàng xăng dầu thường xuyên có xe gắn máy, ô tô, xe bồn ra vào, dễ gây tai nạn giao thông vì vậy chủ cơ sở cần phổ biến cho nhân viên thực hiện chấp hành nghiêm luật giao thông tại cửa hàng:

- Phối hợp với giao thông khu vực, tuân thủ phạm vi lòng lề đường, bố trí bãi đỗ xe đúng quy định;
- Luôn khuyến khích nhân viên tuân thủ pháp luật và ứng xử văn hóa khi tham gia giao thông,...

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Các hạng mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cửa hàng gồm:

Bảng 3.2 Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cửa hàng

STT	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường	Quy mô, công suất
1	Hầm tự hoại 3 ngăn	6 m ²
2	Bể ràng dầu	2 m ²
3	Hệ thống PCCC	-
4	Kho chất thải nguy hại	-

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Cửa hàng bố trí nhân viên phụ trách riêng công tác vận hành và giám sát các hoạt động thu gom, vận chuyển xử lý chất thải phát sinh.

Phân công một người có trách nhiệm báo cáo, đề xuất với cửa hàng trưởng thông qua các kỳ họp giao ban hàng tuần.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh, hoạt động sinh hoạt thường ngày của nhân viên cửa hàng, lưu lượng phát sinh 0,27 m³/ngày.đêm.

+ Nguồn số 2: Nước thải bề gạn dầu là nước thải nhiễm dầu phát sinh từ nước mưa nhiễm dầu, hoạt động tưới nước vệ sinh sân nền khu vực xuất xăng dầu, làm sạch mát nền, rửa sân tránh phát sinh bụi trong khu vực cửa hàng, lưu lượng phát sinh 1 m³/ngày.đêm.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 1,27 m³/ngày.đêm.

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt 0,27 m³/ngày.đêm.

+ Nguồn số 2: Nước thải nhiễm dầu 01 m³/ngày.đêm.

- Dòng nước thải:

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sẽ được dẫn vào hố gas bằng đường ống PVC có đường kính 110mm dài 30m rồi thoát ra cống thoát nước chung của đô thị.

+ Nguồn số 2: Nước thải nhiễm dầu sau khi được xử lý sẽ được dẫn vào hố gas bằng đường ống PVC có đường kính 110mm dài 150m rồi thoát ra cống thoát nước chung của đô thị.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2). Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải nhiễm dầu không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải nhiễm dầu QCVN 29:2010/BTNMT - Cột B (Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe). Cụ thể như sau:

Bảng 4.1 Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD	mg/L	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/L	10
11	Coliform	MPN/100ml	5.000

(Nguồn: QCVN 14:2008/BTNMT)

Bảng 4.2 Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải nhiễm dầu:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT - Cột B (Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe)
1	pH	-	5,5 - 9
2	TSS	mg/L	120
3	COD	mg/L	150
4	Dầu mỡ khoáng	mg/L	30

(Nguồn: QCVN 29:1010/BTNMT)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải, chế độ xả thải:

+ Vị trí xả nước thải: “Cửa hàng xăng dầu số 44, Ấp Đa Hòa Nam, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh”, có tọa độ X=0597389, Y=1098994 tại điểm cuối đường ống dầu ra bể tách dầu nhớt (vị trí lấy mẫu theo tọa độ VN 2000).

+ Phương thức xả nước thải: Phương thức xả nước thải là tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sẽ được thải ra nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung của đô thị.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải nhiễm dầu: Nước thải nhiễm dầu sau xử lý sẽ được thải ra nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung của đô thị.

+ Chế độ xả thải: Xả thải liên tục, xả thải 24 giờ/ngày.đêm.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 1: Hơi xăng dầu bay hơi trong quá trình nhập và xuất bán nhiên liệu làm tăng nồng độ của các chất ô nhiễm trong không khí như: Bụi, SO₂, CO, NO_x,...

+ Nguồn số 2: Các phương tiện giao thông đường bộ đến nhập, mua xăng dầu tại cửa hàng xăng dầu sẽ làm tăng nồng độ các chất ô nhiễm không khí như: Khí thải, SO_x, NO_x, CO_x, hơi Pb, hơi dung môi,...

• Bụi khí thải từ xe gắn máy: Số lượng xe gắn máy 02 bánh di chuyển vào cửa hàng ước tính khoảng 100 lượt/ngày.đêm.

Bảng 4.3 Nồng độ khí thải do xe hai bánh phát ra

STT	Thông số	Tải lượng (kg/ngày)	Tải lượng (g/s)	Nồng độ (mg/m ³)	QCVN 05:2013/BTNMT (trung bình 01 giờ-mg/m ³)
1	Bụi	0,25	0,05	0,92	0,3
2	SO ₂	0,08	0,02	0,41	0,35
3	NO _x	0,62	0,13	0,89	0,2
4	CO	41	8,54	39,6	30

(Nguồn: QCVN 05:2013/BTNMT)

• Bụi khí thải từ xe tải: Số lượng lượt xe tải, xe bồn, xe ô tô ra vào cửa hàng khoảng 20 lượt/ngày đêm. Loại phương tiện này sử dụng nhiên liệu dầu DO là chủ yếu. Khí thải phát sinh trong quá trình đốt của động cơ xe gồm bụi, SO₂, CO, VOC,... Khi đốt cháy hoàn toàn 01 kg dầu DO ở 0⁰C thì tạo ra khoảng 22 – 25 m³ khí thải.

Bảng 4.4 Thành phần khí thải của các phương tiện xe tải, xe bồn, xe ô tô

STT	Thông số	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn dầu)	Tải lượng ô nhiễm (g/s)	Nồng độ (mg/m ³)	QCVN05:2013/BTNMT trung bình 1 giờ - mg/m ³
1	Bụi	0,28	0,0047	11,11	0,3
2	SO ₂	20*S	0,00017	0,401	0,35
3	NO _x	2,84	0,048	113,5	0,2
4	CO	0,71	0,012	28,39	30

(Nguồn: QCVN 05:2013/BTNMT)

Khí thải phát sinh tại cơ sở, nguồn tiếp nhận là môi trường không khí xung quanh. Quy chuẩn áp dụng là QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Vị trí lấy mẫu:

- Điểm 1: Tại “Cửa hàng xăng dầu số 44, Ấp Đa Hòa Nam, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh”, có tọa độ X=0597380, Y=1094008 tại khuôn viên cửa hàng (vị trí lấy mẫu theo tọa độ VN 2000).

- Điểm 2: Tại điểm có tọa độ X=0597399, Y=1094051 khu vực bên ngoài cách cửa hàng khoảng 30m gần nhà dân (vị trí lấy mẫu theo tọa độ VN 2000).

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Các phương tiện giao thông đường bộ đến nhập, mua xăng dầu tại cửa hàng xăng dầu, máy móc hoạt động tại cửa hàng.

- Tiếng ồn phải đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Bảng 4.5 QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

TT	Tên thông số ô nhiễm	Giá trị giới hạn (dBA) Theo QCVN 26:2010/BTNMT	Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70	Khu vực thông thường
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55	Khu vực thông thường

(Nguồn: QCVN 26:2010/BTNMT)

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

1.1. Tần suất và thời gian thực hiện

Tần suất thực hiện: Một năm thực hiện quan trắc chất lượng môi trường nước thải 02 lần. Cụ thể như sau:

- Đợt 1: Ngày 10/06/2022

- Đợt 2: Ngày 05/11/2022

Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Phân tích và Đo đạc môi trường Phương Nam - Số Vimcerts: 075.

1.2. Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc, thông số quan trắc

Vị trí điểm quan trắc nước thải

Bảng 5.1 Thống kê vị trí điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu Tọa độ VN 2000		Mô tả điểm quan trắc
				X	Y	
I	Đợt 1/2022					
1	Điểm quan trắc 1	NT01-Đ1	10/06/2022	0597389	1098994	Nước thải điểm cuối đường ống thoát nước trước khi thải ra nguồn tiếp nhận
II	Đợt 2/2022					
1	Điểm quan trắc 1	NT01-Đ2	05/11/2022	0597389	1098994	Nước thải điểm cuối đường ống thoát nước trước khi thải ra nguồn tiếp nhận

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

Các thông số cần quan trắc: COD, TSS, BOD₅, dầu mỡ khoáng, Coliform.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu - Cột B

1.3. Kết quả phân tích nước thải

Bảng 5.2 Kết quả quan trắc chất lượng nước thải Cửa hàng xăng dầu số 44

T T	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số				
			BOD ₅	TSS	COD	Dầu mỡ khoáng	Coliform
			mg/L				MPN/100mL
1	NT01-Đ1	PNE.22.1965.NT01	6,84	35	71	5,4	2,1x10 ³
2	NT01-Đ2	PNE.22.3048.NT01	6,52	44	67	5,9	1,5x10 ³
QCVN 29:2010/BTNMT-Cột B, (Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe)			-	120	150	30	-

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

Ghi chú:

- QCVN 20:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu - Cột B;

- "-": Không quy định;

- NT01: Nước thải điểm cuối đường ống thoát nước trước khi thải ra nguồn tiếp nhận;

- Đ1 - Đợt 1, Đ2 - Đợt 2.

Nhận xét:

Từ kết quả phân tích có thể thấy rằng chất lượng nước thải tại Cửa hàng xăng dầu số 44 trong 02 đợt quan trắc (nước ở điểm cuối đường ống thoát nước trước khi thải ra

nguồn tiếp nhận) đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu - Cột B.

2. Kết quả quan trắc chất lượng không khí

2.1. Tần suất và thời gian thực hiện

Tần suất thực hiện: Một năm thực hiện quan trắc chất lượng môi trường vi khí hậu, không khí 02 lần, cụ thể như sau:

- Đợt 1: Tháng 06/2022

- Đợt 2: Tháng 11/2022

Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Phân tích và Đo đạc môi trường Phương Nam - Số Vimcerts: 075.

2.2. Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc, thông số quan trắc

Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc, thông số quan trắc

Bảng 5.3 Thống kê vị trí điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu Tọa độ VN 2000		Mô tả điểm quan trắc
				X	Y	
I	Đợt 1/2022					
1	Điểm quan trắc 1	KK01-Đ1	10/06/2022	0597380	1094008	Tại khuôn viên cửa hàng
2	Điểm quan trắc 2	KK02-Đ1	10/06/2022	0597399	1094051	Bên ngoài cửa hàng cách cửa hàng khoảng 30m gần nhà dân
II	Đợt 2/2022					
1	Điểm quan trắc 1	KK01-Đ2	05/11/2022	0597380	1094008	Tại khuôn viên cửa hàng
2	Điểm quan trắc 2	KK02-Đ2	05/11/2022	0597399	1094051	Bên ngoài cửa hàng cách cửa hàng khoảng 30m gần nhà dân

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

Các thông số cần quan trắc: Bụi, SO₂, NO₂, Độ ồn.

Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp.

2.3. Kết quả phân tích nước thải

Bảng 5.4 Kết quả phân tích chất lượng không khí Cửa hàng xăng dầu số 44

T T	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số			
			Bụi	SO ₂	NO ₂	Độ ồn
			mg/m ³			dBA
1	KK01-Đ1	PNE.22.1965.SX01	0,85	0,7	0,04	62,5
2	KK01-Đ2	PNE.22.3048.SX01	0,72	0,7	0,08	69,3
QCVN 24:2016/BYT			-	-	-	85
QCVN 02:2019/BYT			8	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT			-	10	10	-

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

Bảng 5.5 Kết quả phân tích chất lượng không khí xung quanh Cửa hàng xăng dầu số 44

T T	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số			
			Bụi	SO ₂	NO ₂	Độ ồn
			mg/m ³			dBA
1	KK02-Đ1	PNE.22.1965.XQ01	86,2	46,5	38,2	62,1
2	KK02-Đ2	PNE.22.3048.XQ01	96,8	61,1	52,8	66,9
QCVN 26:2010/BTNMT			-	-	-	70
QCVN 05:2013/BTNMT			300	350	200	-

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

Ghi chú:

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp.
- "-": Không quy định;
- KK01: Không khí tại khuôn viên cửa hàng;
- KK02: Không khí bên ngoài cách cửa hàng khoảng 30 gần nhà dân;
- Đ1 - Đợt 1, Đ2 - Đợt 2.

Nhận xét chất lượng không khí khu vực Cửa hàng xăng dầu số 44:

Không khí xung quanh:

- Cường độ tiếng ồn bên ngoài cách cửa hàng khoảng 30m gần nhà dân trong 02 đợt quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- Nồng độ bụi, CO₂, SO₂, NO₂ bên ngoài cách cửa hàng khoảng 30m gần nhà dân trong 02 đợt quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

Không khí khu vực làm việc

- Cường độ tiếng ồn tại khuôn viên cửa hàng trong 02 đợt quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp.

- Nồng độ bụi tại khuôn viên cửa hàng trong 02 đợt quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- Nồng độ SO₂, NO₂ trong không khí tại khuôn viên cửa hàng trong 02 đợt quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

(Cơ sở không thực hiện vận hành thử nghiệm)

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

(Cơ sở không thực hiện quan trắc môi trường định kỳ)

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

(Cơ sở không thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải)

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Quan trắc nước thải sinh hoạt của cơ sở sau khi xử lý thoát ra cống thoát nước chung của đô thị:

- Số lượng mẫu: 01 mẫu;
- Vị trí lấy mẫu: Điểm cuối đường ống đầu ra hầm tự hoại tại hồ gas của cửa hàng.
- Thông số giám sát: pH, Nhiệt độ, TSS, COD, BOD₅, Amoni, Tổng dầu mỡ khoáng, Pb, Tổng phenol, Coliform;
- Tần suất lấy mẫu giám sát: 06 tháng/lần;
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B;

Quan trắc nước thải nhiễm dầu của cơ sở sau khi xử lý thoát ra cống thoát nước chung của đô thị.

- Số lượng mẫu: 01 mẫu;

- Vị trí lấy mẫu: Điểm cuối đường ống đầu ra hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu tại hồ gas của cửa hàng;

- Thông số giám sát: pH, COD, TSS, Dầu mỡ khoáng;

- Tần suất lấy mẫu giám sát: 06 tháng/lần;

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 29:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải nhiễm dầu, cột B;

Quan trắc không khí tại khu vực bồn chứa xăng dầu của cơ sở:

- Số lượng mẫu: 01 mẫu

- Vị trí lấy mẫu: Tại khu vực bồn chứa xăng dầu của cơ sở.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Bụi, NO₂, SO₂, CO.

- Tần suất lấy mẫu giám sát: 06 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh:

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi-giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;

+ QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện: 20.000.000 đồng

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Cửa hàng xăng dầu số 44 trước đây không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cửa hàng trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông tại Trà Vinh cam kết nội dung, thông tin trong báo cáo Đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “**Cửa hàng xăng dầu số 44**” là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Chủ cơ sở xin cam kết thực hiện các biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải nhiễm dầu, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại; giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước và không khí; xây dựng các biện pháp ứng phó, khắc phục các sự cố ô nhiễm môi trường có khả năng xảy ra trong quá trình hoạt động và chịu trách nhiệm khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại khi để xảy ra sự cố.

- Cam kết tuân thủ tuyệt đối mọi nguyên tắc an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Bản vẽ hoàn công các công trình bảo vệ môi trường
- Hợp đồng kinh tế về việc cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường
- Phiếu kết quả quan trắc môi trường
- Các văn bản khác có liên quan

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 1800277683

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 01 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 27, ngày 22 tháng 06 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP DẦU KHÍ MÊ KÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MEKONG PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PETROMEKONG

2. Địa chỉ trụ sở chính

60-62, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Điện thoại: 02923.810.817

Email:

Fax:

Website: www.petromekong.com.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 514.061.780.000 đồng.

Bằng chữ: Năm trăm mười bốn tỷ không trăm sáu mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 51.406.178

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐÀO ĐÌNH THIÊM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/03/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034081018408

Ngày cấp: 12/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 14, đường 7, C/x Chu Văn An, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 14, đường 7, C/x Chu Văn An, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 1800277683-020

Đăng ký lần đầu, ngày 27 tháng 12 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 19, ngày 09 tháng 04 năm 2021

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI TỈNH TRÀ VINH

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Ấp Vĩnh Hưng, Xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0294.3853278

Fax: 0294.3853278

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGUYỄN THANH TÙNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/10/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 334654502

Ngày cấp: 31/07/2007 Nơi cấp: Công an tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ thường trú: *Ấp Ngãi Nhì, Xã Tam Ngãi, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Ấp Ngãi Nhì, Xã Tam Ngãi, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CP DẦU KHÍ MÊ KÔNG

Mã số doanh nghiệp: 1800277683

Địa chỉ trụ sở chính: 60-62, đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam



Lê Thanh Tuấn

GIẤY CHỨNG NHẬN DĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00038

Dăng ký lần đầu, ngày 07 tháng 07 năm 2015

Dăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 16 tháng 03 năm 2022

1. Tên địa điểm kinh doanh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MỀ KÔNG TẠI TỈNH TRÀ VINH - CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 44

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài: -

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Áp Đa Hòa Nam, Xã Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 02943.853278

Fax: 02943.853278

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGUYỄN THANH TÙNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/10/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 334654502

Ngày cấp: 31/07/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ thường trú: *Áp Ngãi Nhì, Xã Tam Ngãi, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Áp Ngãi Nhì, Xã Tam Ngãi, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MỀ KÔNG TẠI TỈNH TRÀ VINH

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 1800277683-020

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: *Áp Vĩnh Hưng, Xã Long Đức, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*

TRƯỜNG PHÒNG



Ls. Thanh Tuấn

GIẤY CHỨNG NHẬN
CỬA HÀNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU
Cấp lần thứ nhất: Ngày 11 tháng 10 năm 2021

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI TỈNH TRÀ VINH**;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý Thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.

1. Tên cửa hàng bán lẻ xăng dầu: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI TỈNH TRÀ VINH - CHXD SỐ 44.**

Địa chỉ: Quốc lộ 53, ấp Đa Hòa Nam, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 0294.3853278

Thuộc sở hữu: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI TỈNH TRÀ VINH.**

Tên giao dịch đối ngoại:

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Số điện thoại: 0294.3853278, Số fax: 0294.3853278

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800277683-020 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 09 tháng 4 năm 2021.

Mã số thuế: 1800277683-020.

ĐỦ ĐIỀU KIỆN BÁN LẺ XĂNG DẦU.

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu.

Tên thương nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI TỈNH TRÀ VINH.**

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Vĩnh Hưng, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Số điện thoại: 0294.3853278, Số fax: 0294.3853278

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800277683-020 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 09 tháng 4 năm 2021.

Mã số thuế: 1800277683-020.

Điều 2: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG TẠI TỈNH TRÀ VINH, phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3: Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu này có giá trị đến hết ngày 11 tháng 10 năm 2026./.

Nơi nhận:

- CN Công ty CPDK MK tại tỉnh TV;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Cục QLTT Trà Vinh (biết);
- Phòng KTHT huyện Châu Thành (biết);
- Lưu: VT, QLTM.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Minh Cẩm





NHỮNG ĐIỀU QUY ĐỊNH

Trong quá trình kinh doanh xăng dầu, thương nhân phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Niêm yết công khai tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu:
 - Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu;
 - Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện, thiết bị đo lường;
 - Nội quy về an toàn phòng cháy chữa cháy do cấp có thẩm quyền ban hành.
2. Thường xuyên bảo đảm các điều kiện quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.
3. Bảo quản, sử dụng phương tiện đo lường theo đúng quy trình kỹ thuật quy định và chịu trách nhiệm về tính nguyên vẹn của niêm phong.
4. Nghiêm cấm sử dụng phương tiện đo lường chưa qua kiểm định hoặc hết thời hạn sử dụng. Khi phát hiện phương tiện đo lường bị hư hỏng phải ngừng ngay việc sử dụng và báo cơ quan quản lý về tiêu chuẩn đo lường chất lượng sửa chữa và kiểm định lại.
5. Nếu có sự thay đổi tình trạng pháp lý về tổ chức, nội dung kinh doanh ghi trong Giấy này phải khai báo với cơ quan cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
6. Trước ba mươi (30) ngày khi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết thời hạn hiệu lực, phải đến cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đề nghị cấp đổi lại.
7. Không được bán, cho thuê, mượn, cầm cố hoặc sửa chữa, tẩy xóa các nội dung ghi trong Giấy này.
8. Trường hợp bị mất Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, phải trình báo ngay cho cơ quan Công an phường, xã nơi kinh doanh và cơ quan cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu và tiến hành cấp lại theo quy định.
9. Khi chấm dứt kinh doanh phải trả lại ngay Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800277683, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 21/3/2016

Địa chỉ trụ sở chính: Số 45A-47, đường 30/4, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

CG 889683

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

Được quét bằng CamScanner

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 5 , tờ bản đồ số: 34
b) Địa chỉ: ấp Đa Hòa Nam, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
c) Diện tích: 1983,2m², (bằng chữ: Một nghìn chín trăm tám mươi ba phẩy hai mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 29/5/2063
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 16

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Phòng giao dịch cửa hàng xăng dầu số 16	39	39	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Bể chứa xăng dầu	29,7	36m ³	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

Thừa đất có 323,5 m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình Quốc lộ 53.

Trà Vinh, ngày 10 tháng 10 năm 2017
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

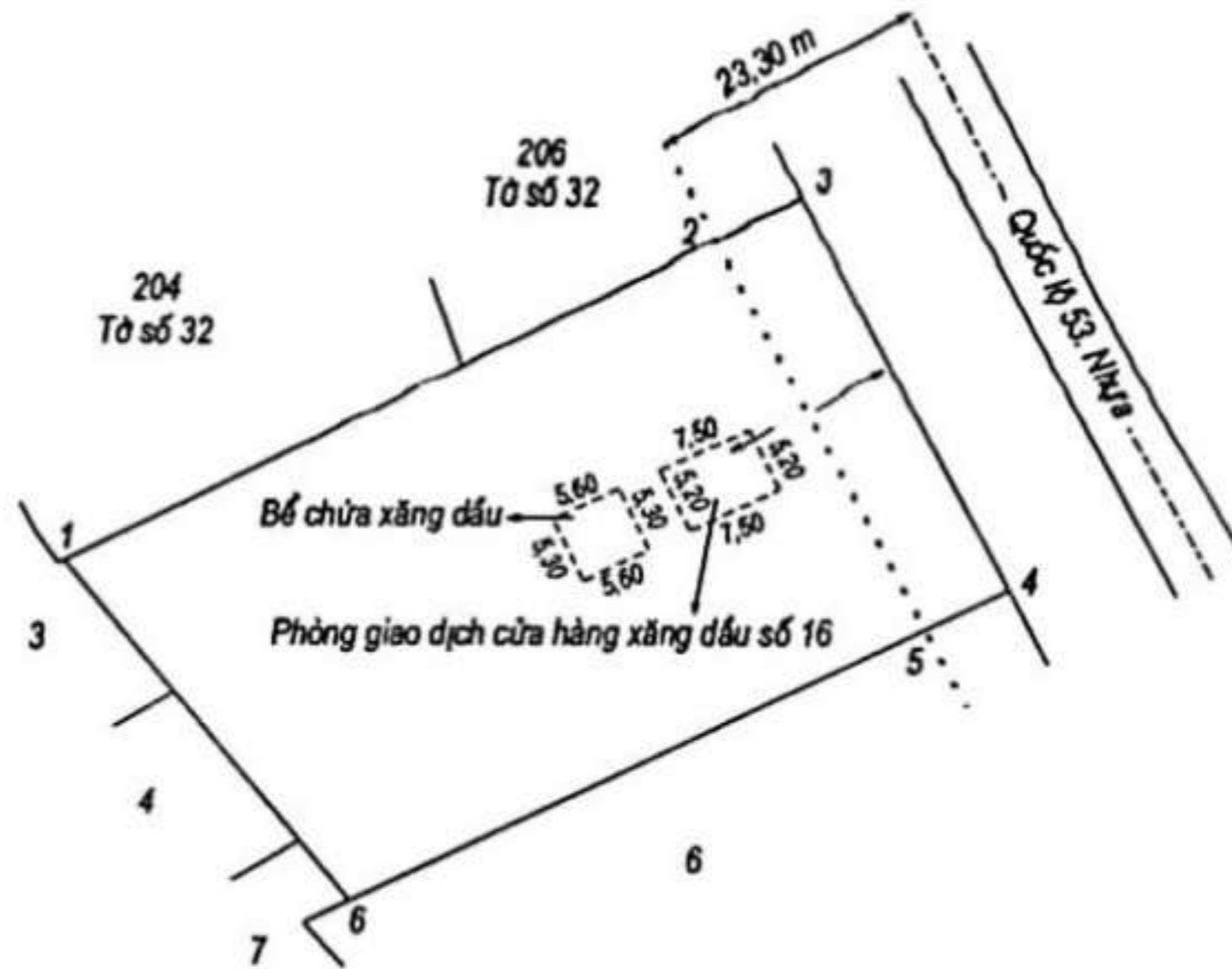


Lương Văn Huy

Số vào sổ cấp GCN: CT 02676

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	55,58
2 - 3	7,19
3 - 4	34,07
4 - 5	7,03
5 - 6	48,47
6 - 1	33,91



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



**GIẤY CHUNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2004,
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 01 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy,
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an,
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số ngày 22/ 10 / 2 010

của: *Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Văn Trọn*
Người đại diện là ông/ bà: *Huỳnh Văn Trọn* Chức danh *Chủ doanh nghiệp*
PHÒNG CẢM SÁT PCCC & CNCH

CHUNG NHẬN:

- (2) *Công trình: Cửa hàng xăng dầu Tư nhân (Cấp II- 60m³).*
Địa điểm: *Ấp Đa Hòa,, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh*
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: *Huỳnh Văn Trọn*
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: *Cty TNHH xây dựng Phú Nguyễn*

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

Bậc chịu lửa; giới hạn chịu lửa; lối thoát nạn; tường rào bao quanh cửa hàng; phân cấp cửa hàng; khoảng cách an toàn trong cửa hàng xăng dầu; kết cấu và vật liệu khu bán hàng; khoảng cách an toàn từ cột bơm, cụm bể (mép bể) đến ranh giới ngoài khu vực bán hàng; đường ống công nghệ, hệ thống chống sét.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3).....

- 01/ Chủ đầu tư xây dựng công trình phải chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước về an toàn PCCC, thực hiện đúng theo bản vẽ đã được phê duyệt.*
02/ Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các kiến nghị của cơ quan CS- PCCC & CNCH.

Trà Vinh, ngày 26 tháng 10 năm 2010

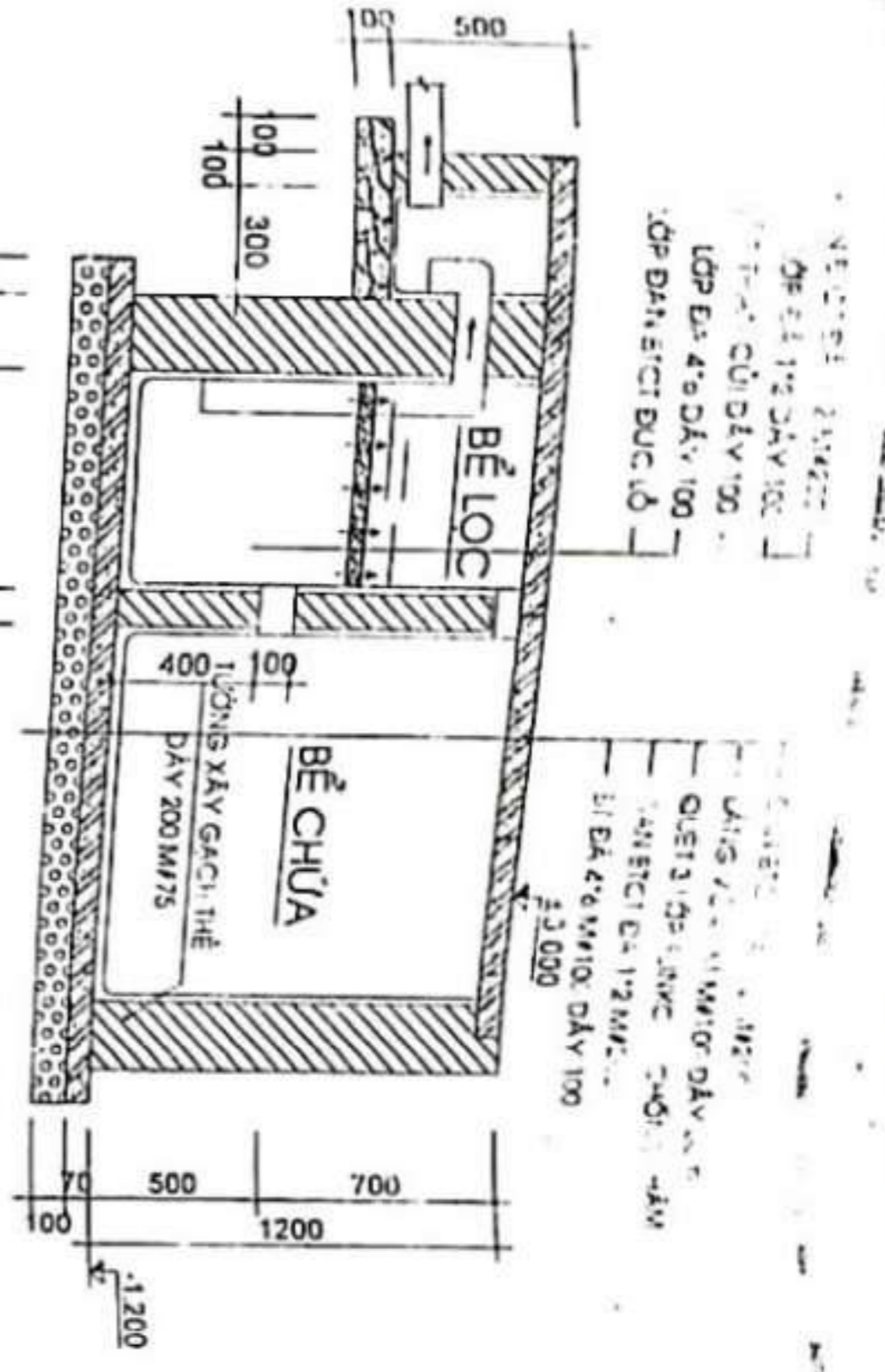
(4) **PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



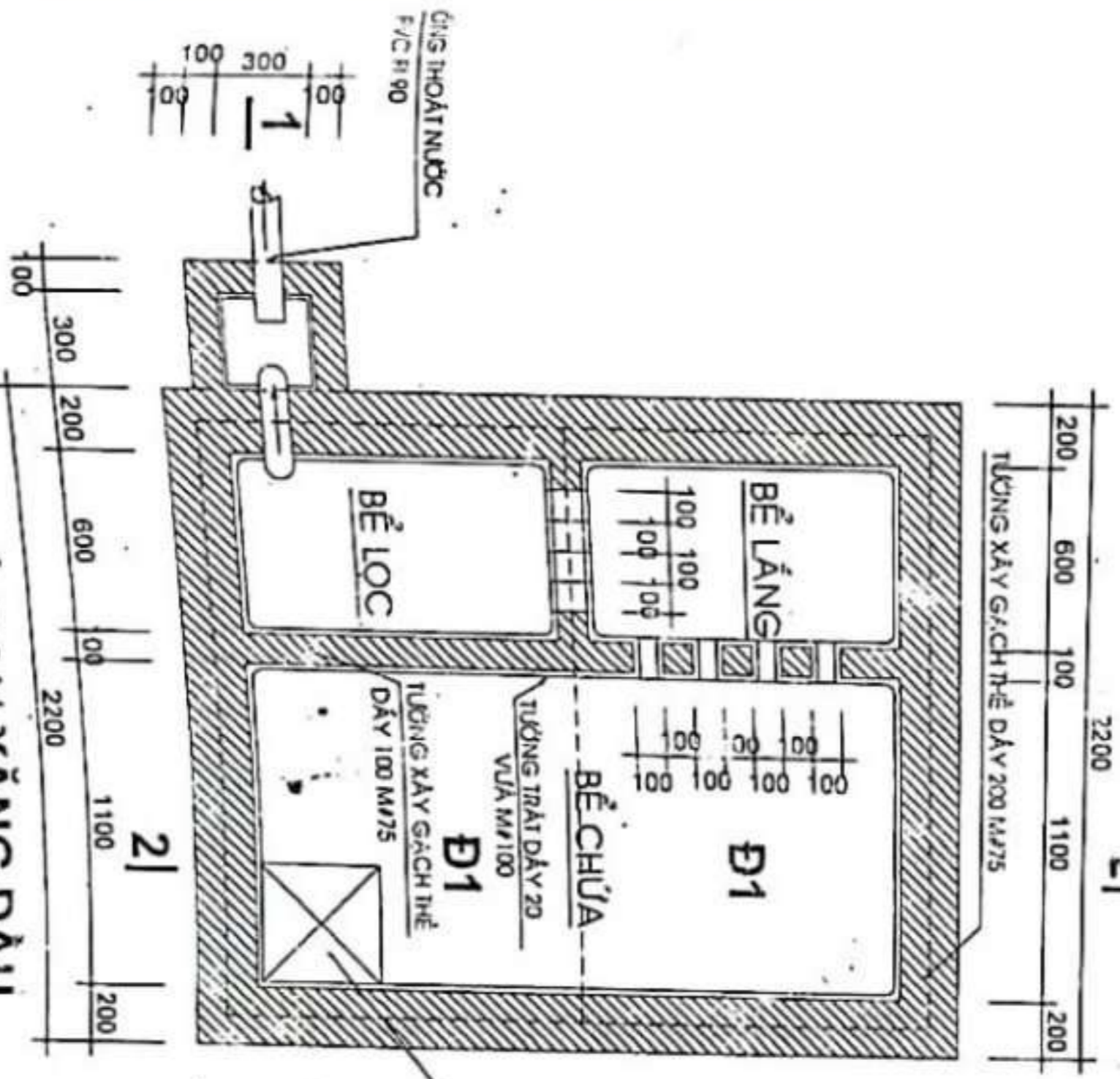
Thống nhất Nguyễn Văn Trọn

Nơi nhận:
- L.Ồ.Đ.: b/c.....
- Chủ đầu tư:.....
- Văn PCCC (đội Kiểm tra).....

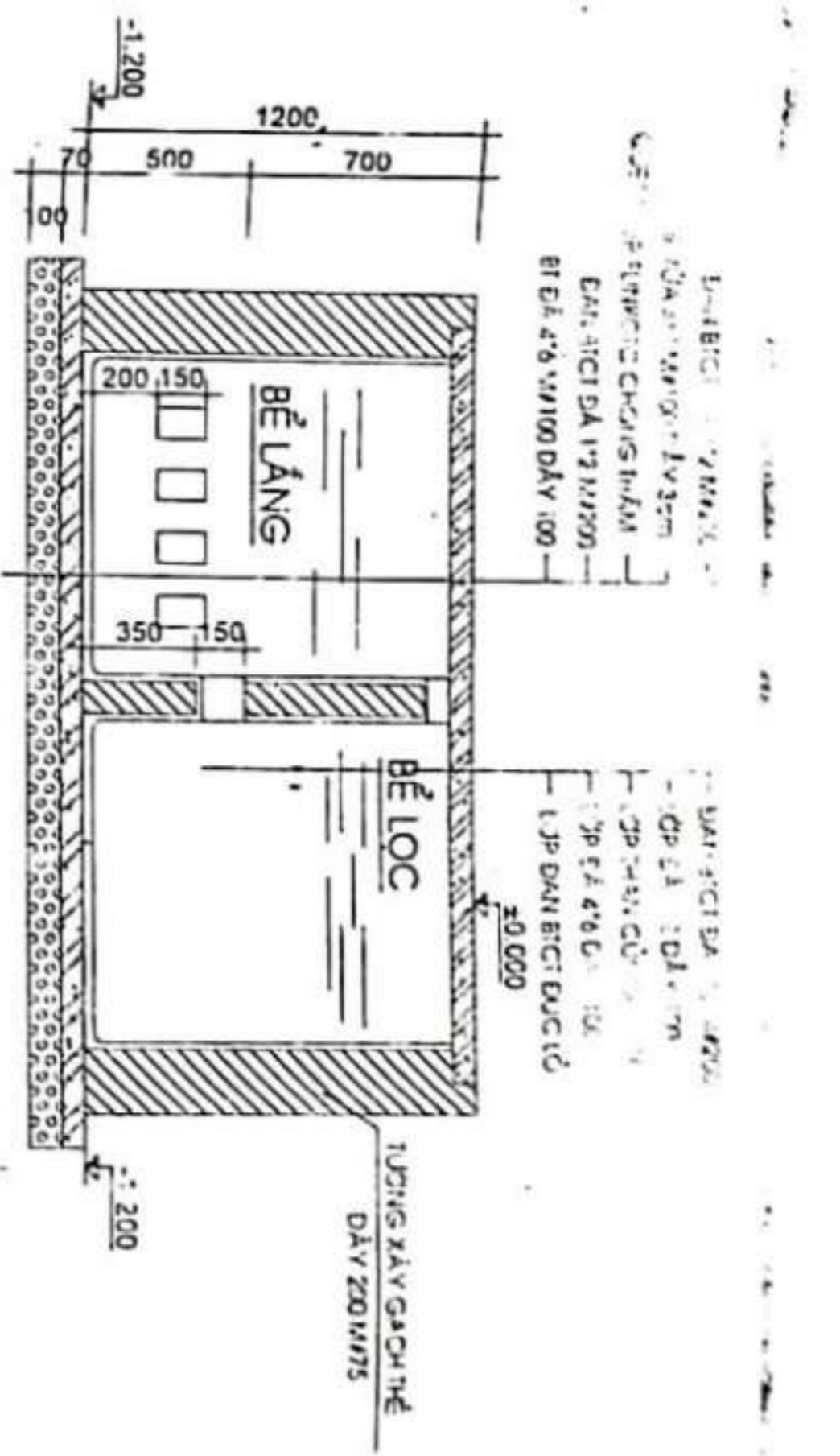
(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy, (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp, (4) Chức danh người ký giấy (kỵ tên trong dấu)



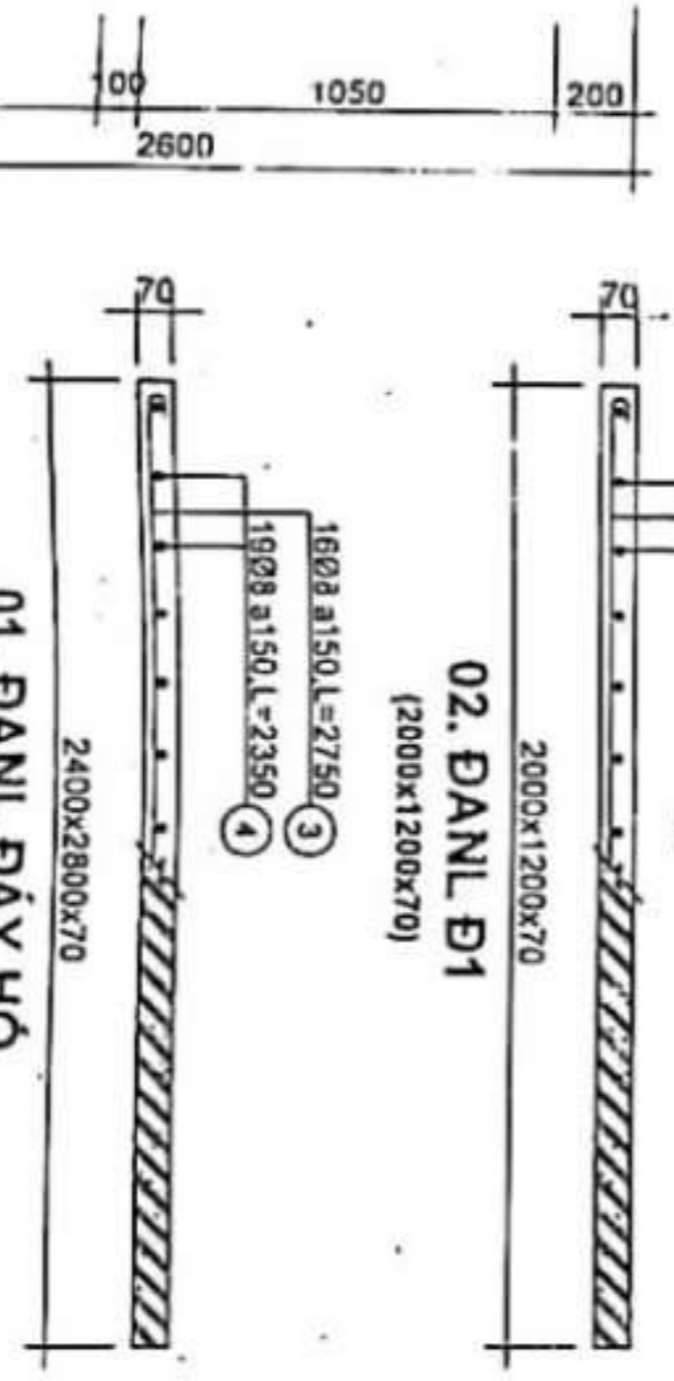
MẶT CẮT 1-1



MB. HỒ GÀN XĂNG DẦU



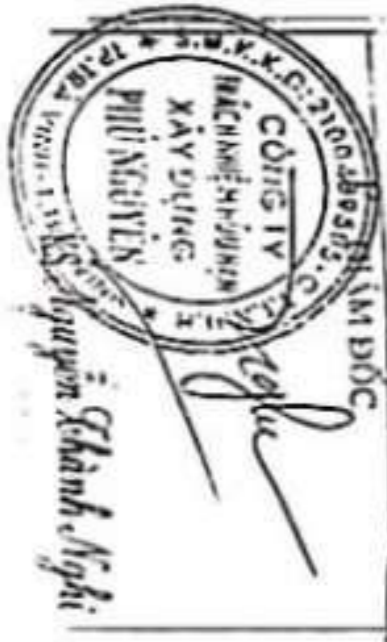
MẶT CẮT 2-2



GHI CHÚ:

- TƯỜNG BÊ BÀN TỰ HOẠI XÂY GẠCH THỂ D100x200, VỮA XÂY TRÁT MẠC 75 DÂY 20
- DÂY BÊ BÀN TỰ HOẠI LẮNG VỮA XI MĂNG MẠC 75 DÂY 20
- ĐAN LẮP BÊ BÀN TỰ HOẠI BÊ TÔNG CỘT THẬP MẠC 200 DÂY 70 ĐÁ 1x2
- BÊ TÔNG LỢT DÂY 9# BÀN TỰ HOẠI MẠC 100 DÂY 100

CTY TNHH XD
PHÚ NGUYỄN

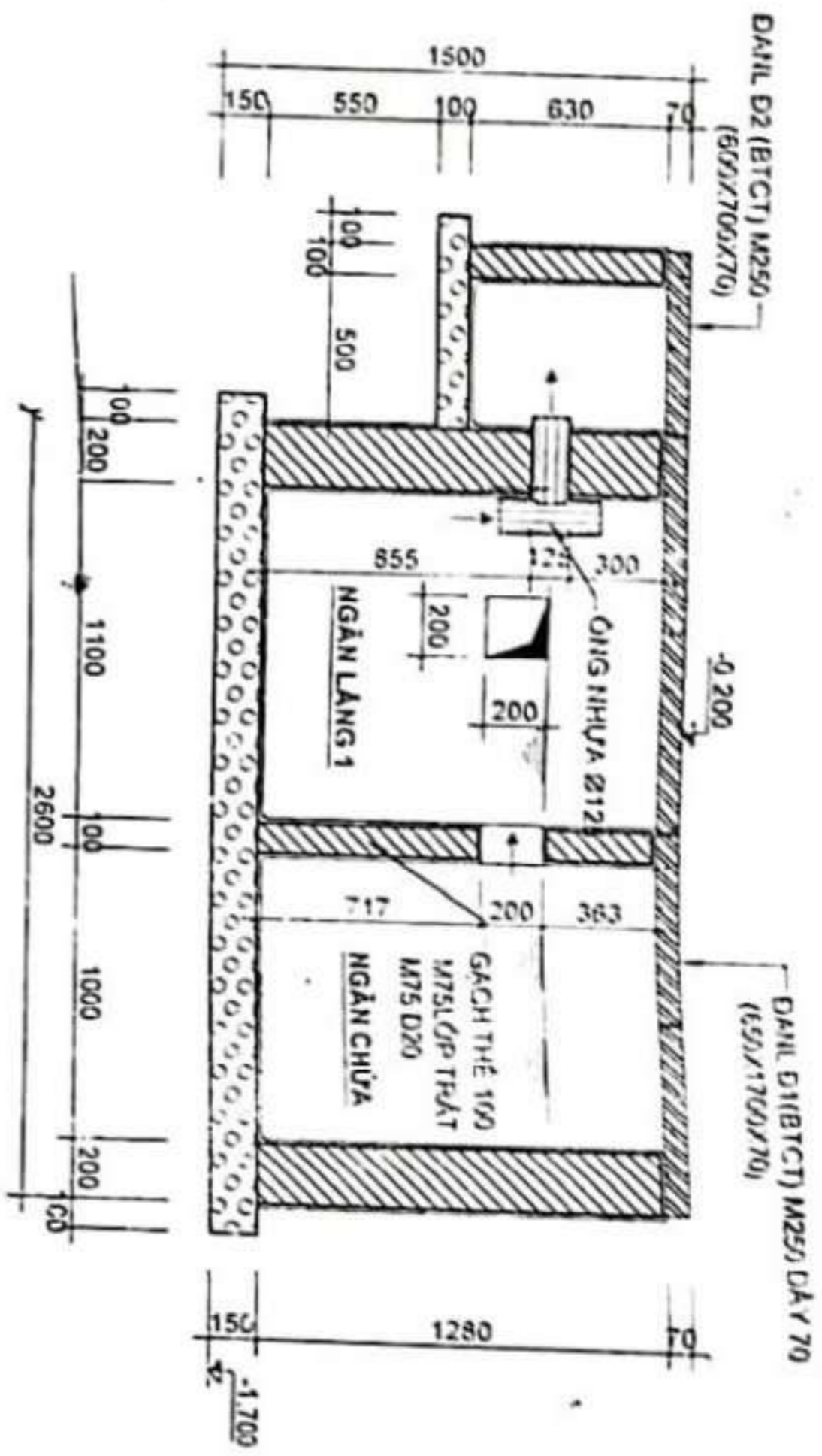


CHI TIẾT HỒ GÀN XĂNG DẦU

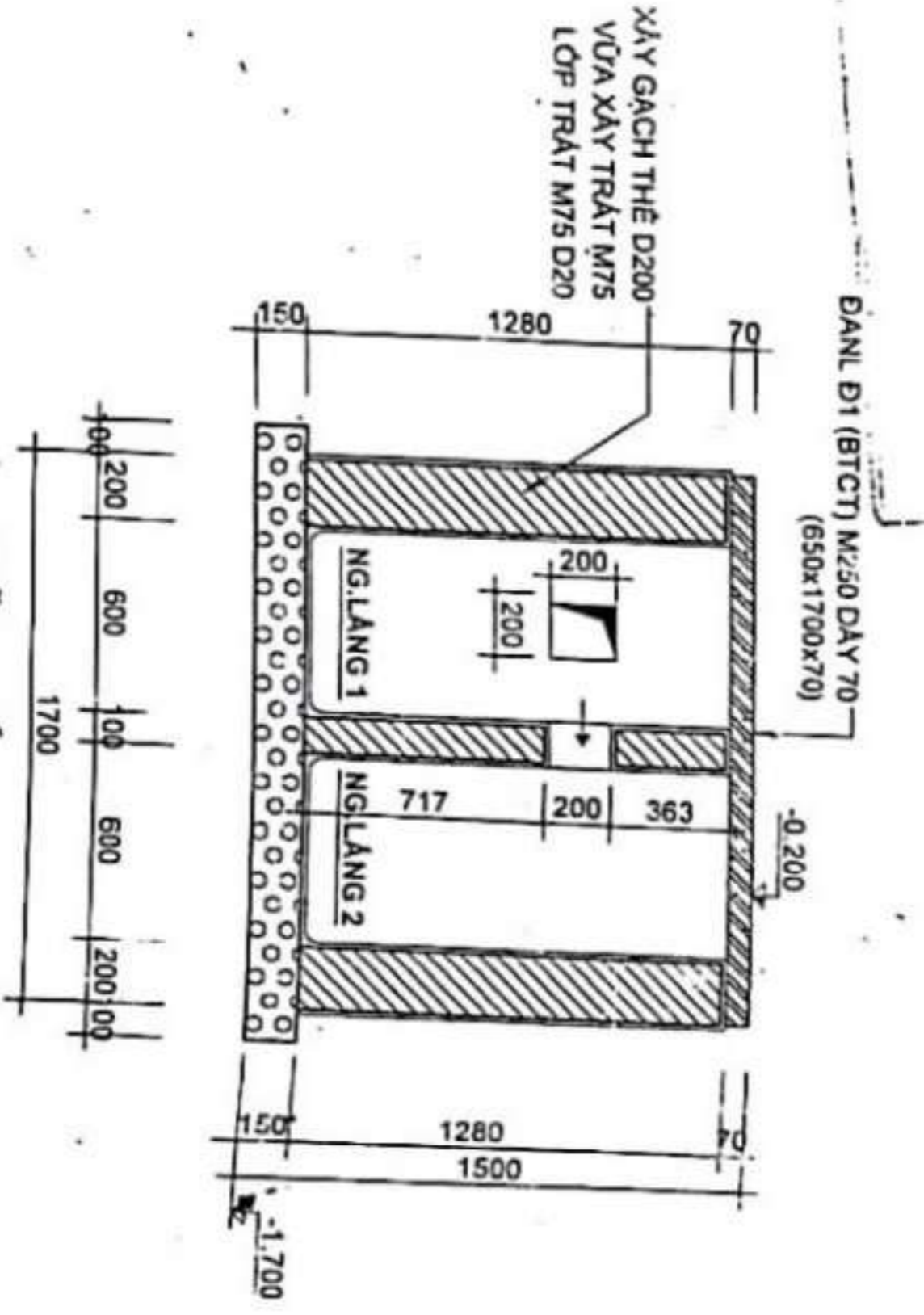
CÔNG TRÌNH: C/A HÀNG XĂNG DẦU HUỖNH VĂN TRON
HÀNG MỤC: XD BỜ 4 TRỤ BOM
ĐỊA ĐIỂM: ẤP ĐA HÒA XÃ HÒA LỢI HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ THIẾT KẾ THỂ HIỆN NGÀY HOÀN THÀNH

KS. Nguyễn Văn Vinh
Phở Nguyễn Văn Vinh



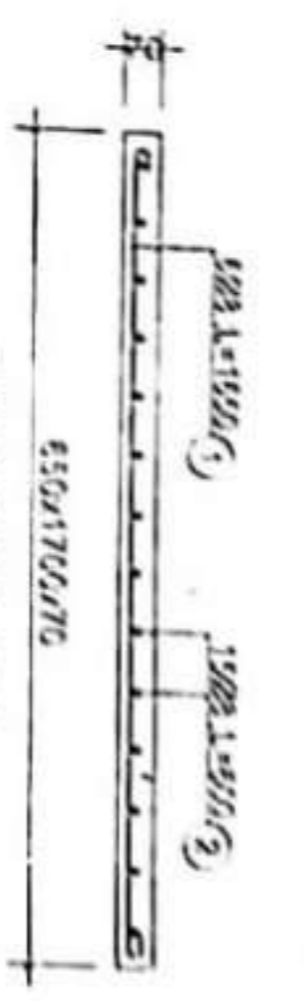
MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT C-C



01. DAN L D2 (Ø50x1700x70)



04. DAN L D1 (Ø50x1700x70)

GHI CHÚ

- TƯỜNG BÊ BỐN TỰ HỒA BÊ TÔNG CỐT THÉP
- DAN L D2: 1700x550x70
- DAN L D1: 1700x550x70
- GẠCH THÈ D200 VỮA XÂY TRÁT M75 D20
- LỚP TRÁT M75 D20
- CỔNG NHỰA Ø12
- BÊ TÔNG LỢT CHỖ BÊ BỐN TỰ HỒA BÊ TÔNG CỐT THÉP
- DÂY 100

BẢNG THÔNG KẾ CỐT THÉP

TÊN CỤM	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	BƯỚC GIỮA (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG TRỌNG LƯỢNG (kg)
					1 CẶM	TỔNG		
D1	1	50 - 1650 - 50	30	1750	6	24	42	15.57
	2	50 - 850 - 50	50	700	15	60	42	15.57
	3	50 - 550 - 50	50	650	6	6	3.9	1.54
	4	50 - 650 - 50	50	750	5	5	3.75	1.48
- TRỌNG LƯỢNG THÉP CÓ DƯỜNG KÍNH: 8 = 36.16 KG								

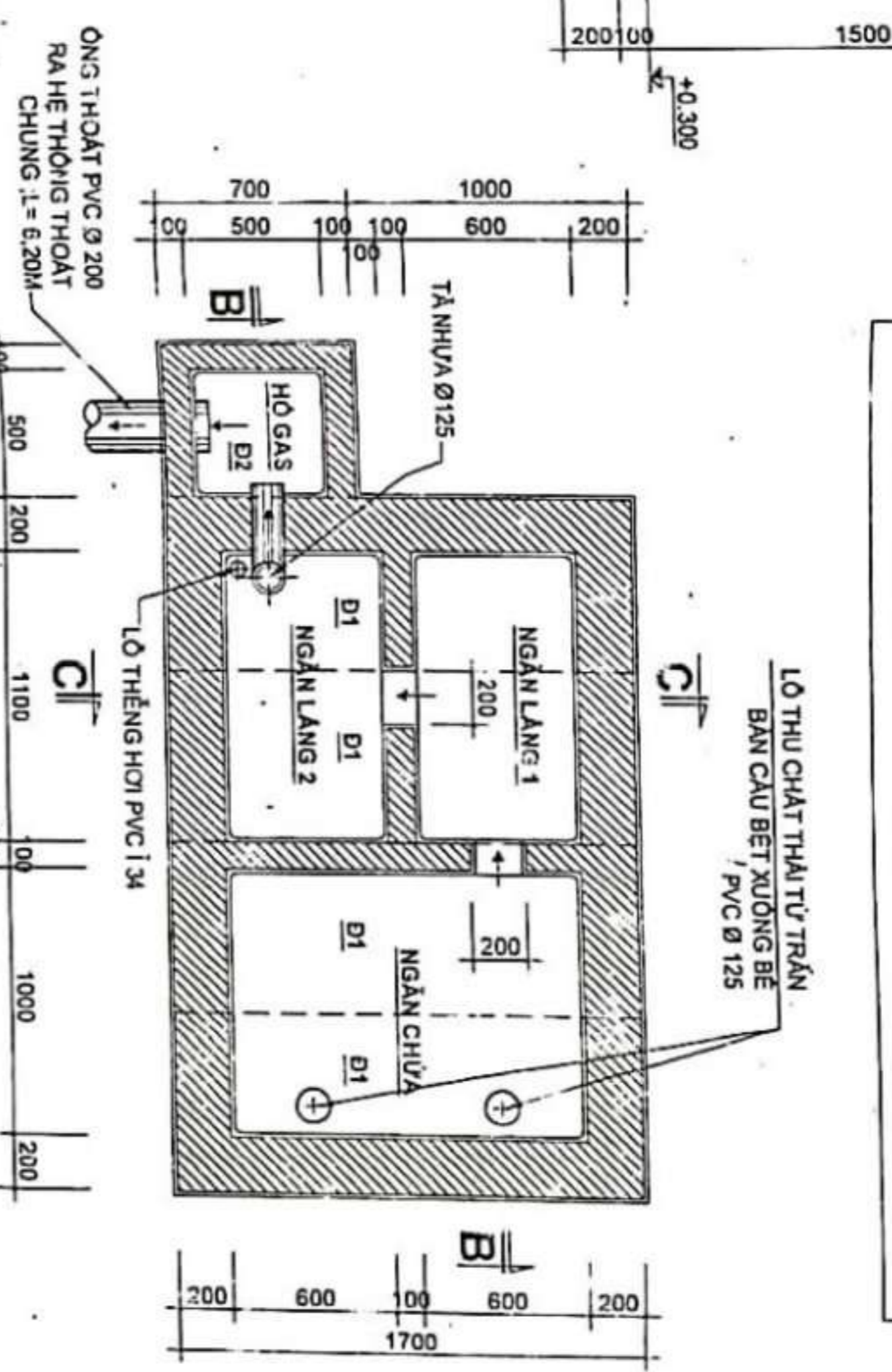
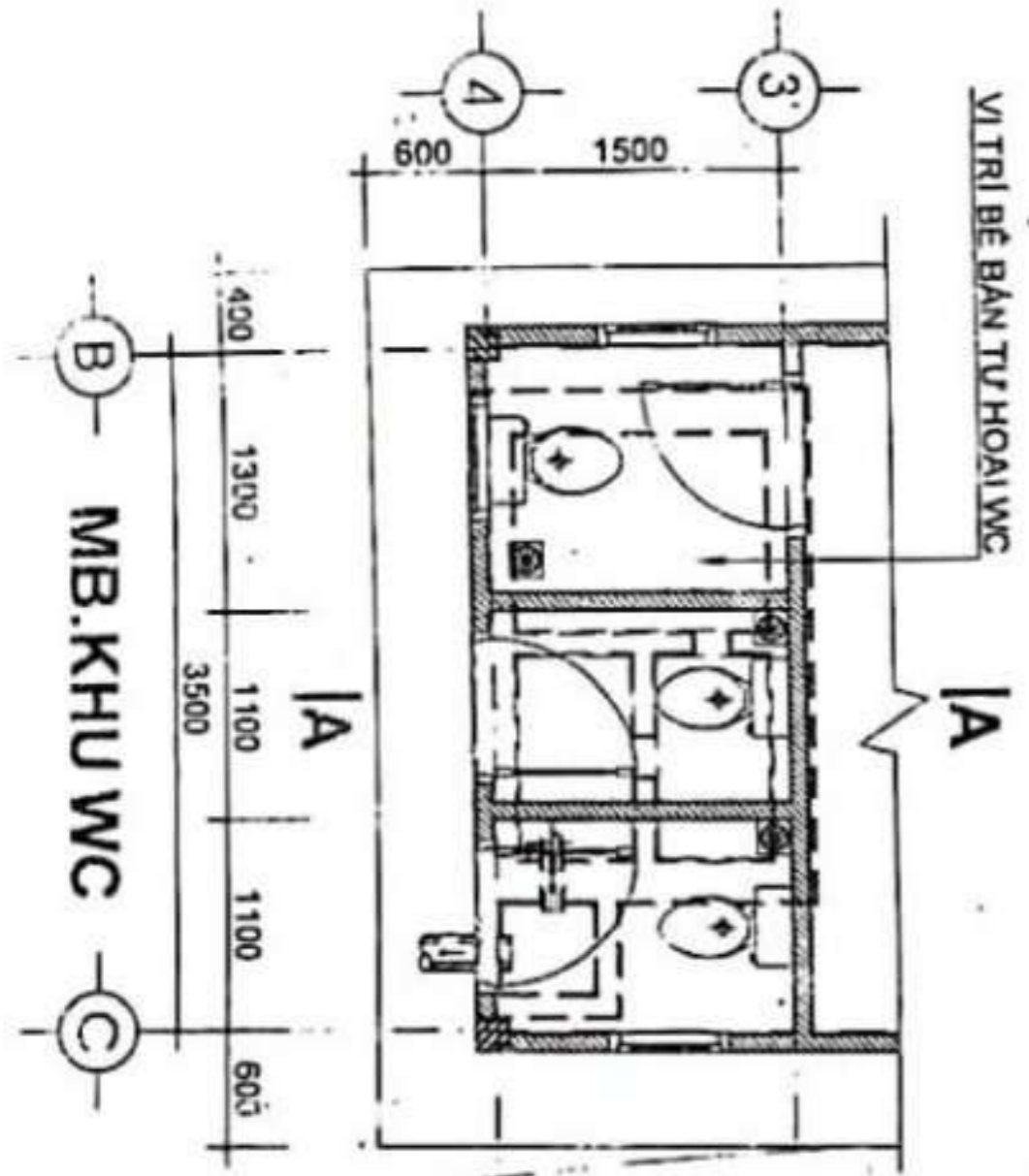
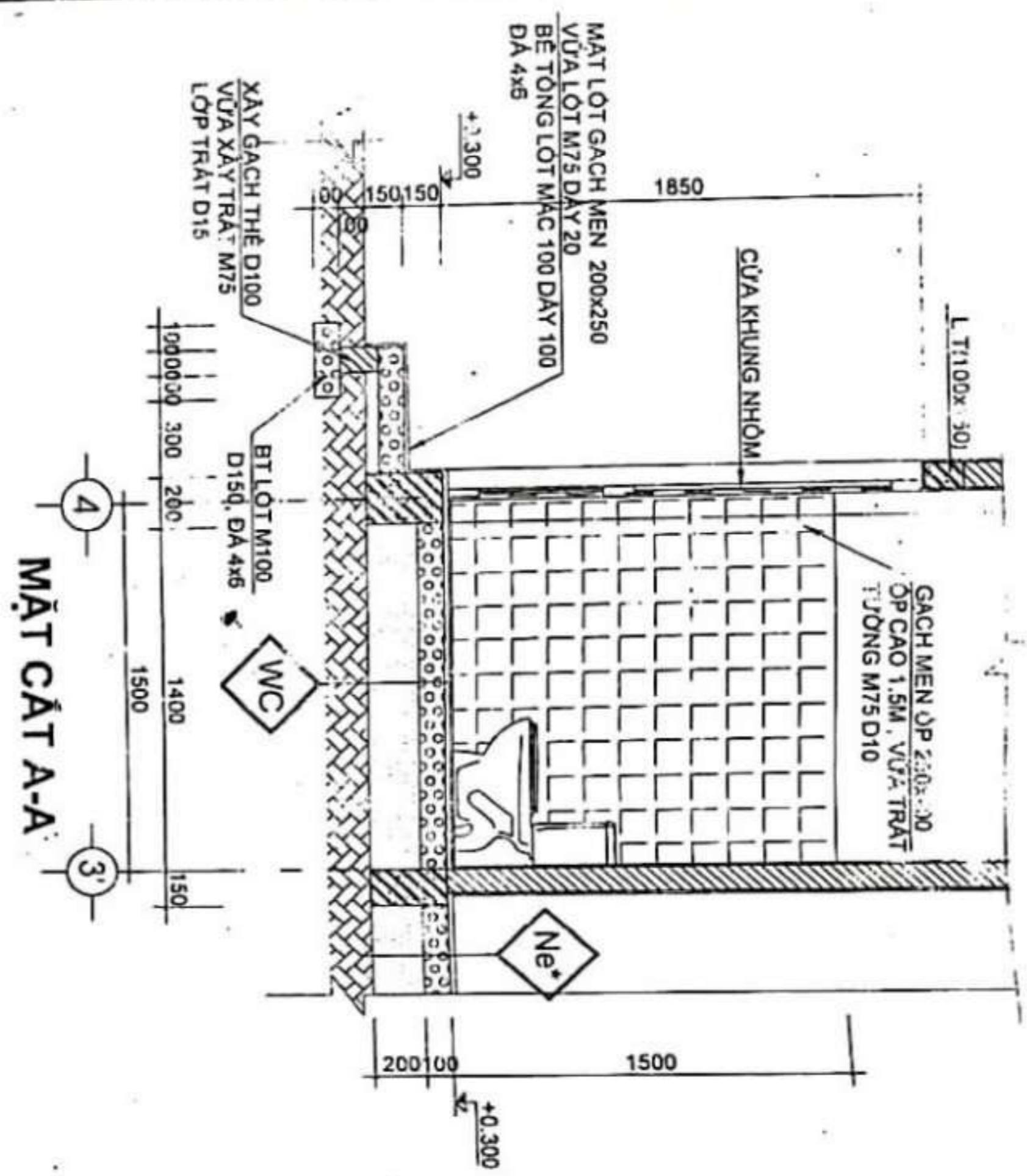
CÔNG TY TNHH XD PHÚ NGUYỄN
 CHỖ TRỊ THIẾT KẾ: THIẾT KẾ - THỰC HIỆN
 NGÀY HOÀN THÀNH:

CÔNG TRÌNH: CỬA HÀNG XÀNG DẦU HUYỀN VĂN TRÚN
 HẰNG MỨC: XD MỚI 4 TRỤ BƠM
 ĐỊA ĐIỂM: ẤP ĐÀ HÒA XÃ HÒA LỢI HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH

CHI TIẾT BỂ BÀN TỬ HOẠI

GIÁM SỐC: *[Signature]*
 PHỤ NGUYỄN VĂN AN

THIẾT KẾ: *[Signature]*
 PHẠM VĂN THÁI



GHI CHÚ:

- TƯỜNG BÊ BÀN TỰ HOẠI XÂY GẠCH THÈ D100+200, VỮA XÂY TRÁT MẠC 75 DÂY 20
- ĐÂY BÊ BÀN TỰ HOẠI LANG VỮA XI MĂNG MẠC 75 DÂY 20
- DANL NÁP BÊ BÀN TỰ HOẠI BÊ TÔNG CỘT THÈP MẠC 250 DÂY 70 ĐÁ 1x2
- BÊ TÔNG LỚT ĐÂY BÊ BÀN TỰ HOẠI MẠC 100 DÂY 150

DANL D1 : 1700 x 650 x 70 - 04 CK
DANL D2 : 600 x 700 x 70 1 01CK

CTY TNHH XD PHÚ NGUYỄN

GIÁM ĐỐC: *[Signature]*

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: *[Signature]*

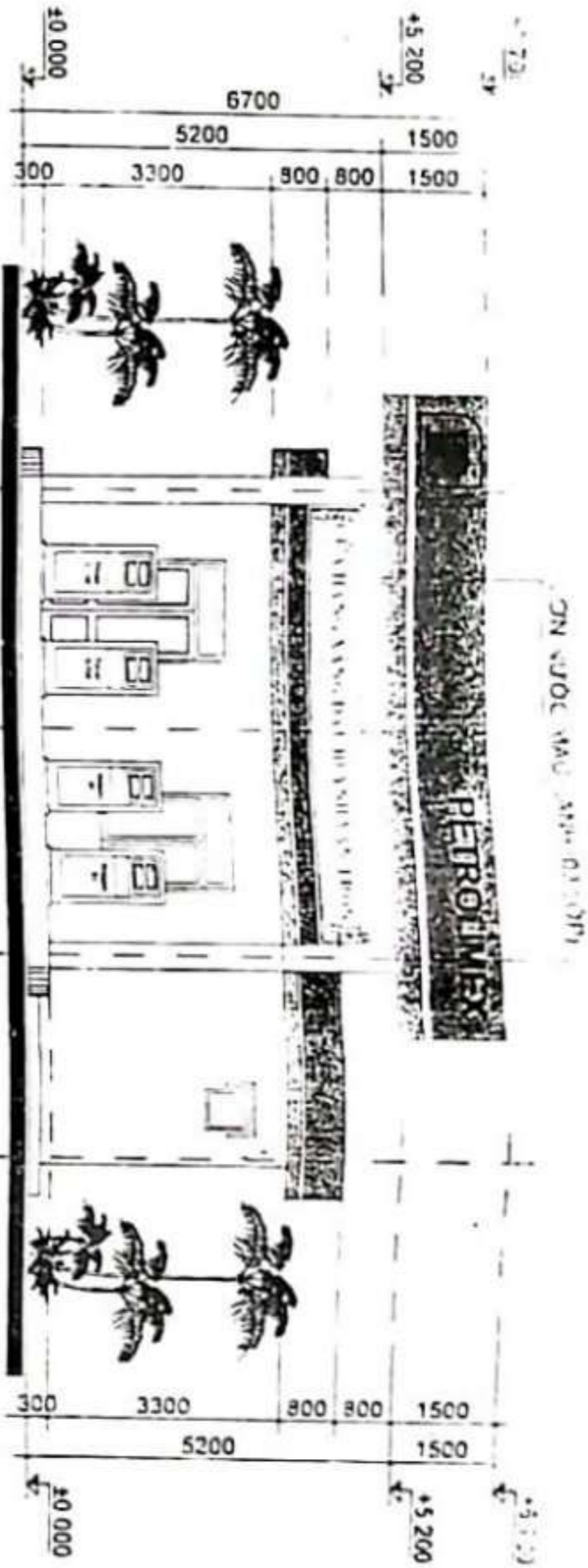
THIẾT VẼ: THỂ HIỆN: *[Signature]*

NGÀY TOÀN HÀNH: _____

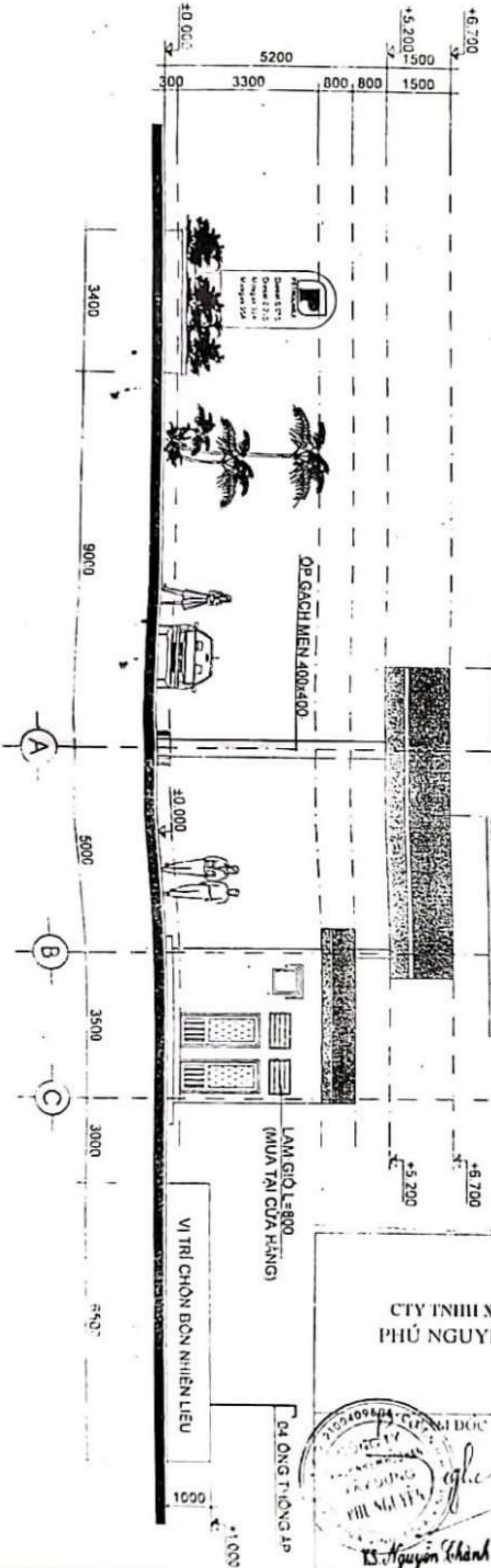
CHI TIẾT KIU VỆ SINH

CÔNG TRÌNH: CỬA HÀNG XĂNG DẦU HUỖNH VĂN TRỌN
HÀNG MỨC: XD MỚI 4 TRỤ BƠM
ĐỊA ĐIỂM: ẤP ĐÀ HÒA XÃ HÒA LỢI HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH

CHỖ: *[Signature]* *[Signature]* *[Signature]*



MẶT DỨNG TRỤC 1-4 TL:1/100



MẶT DỨNG TRỤC A-C TL:1/100

CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH
 PHÒNG CHÁNH HÀNH SỞ MÔI TRƯỜNG VÀ CẤP ĐÁI CHÁY
 ĐÃ THẨM DUYỆT
 VÀ PHỎNG CẢM VÀ CẤP ĐÁI CHÁY
 SỐ QUẢN LÝ: 21.03.2018

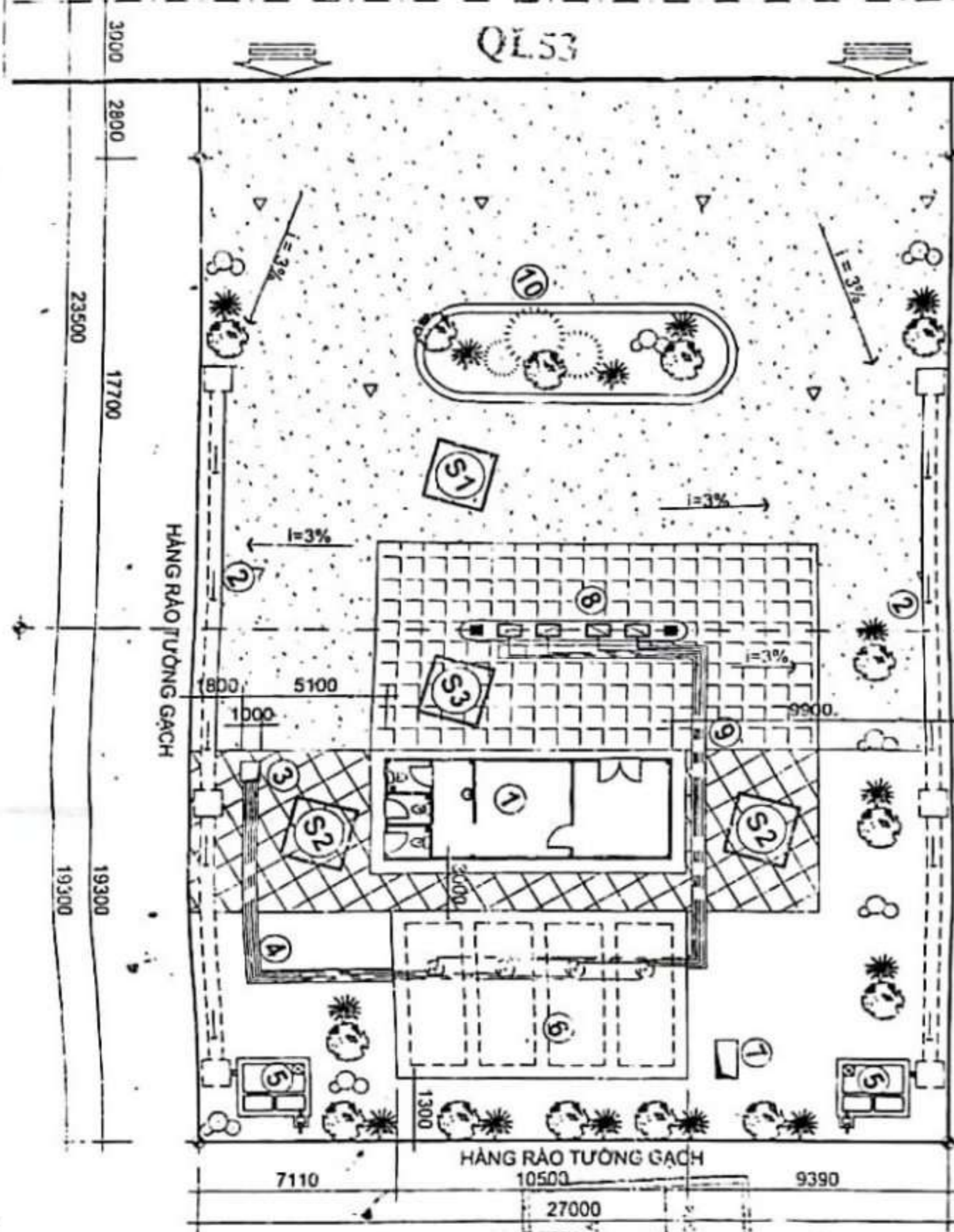
CÔNG TRÌNH CỦA HÀNG XĂNG DẦU HUỖNH VĂN TRON
 HẠNG MỨC: XD MỚI 4 TRỤ BƠM
 ĐỊA ĐIỂM: ẤP ĐÀ HÒA XÃ HÒA LỢI HUYỆN CHÂU THÀNH
 TỈNH TRÀ VINH

MẶT DỨNG TRỤC 1-4
 MẶT DỨNG TRỤC A-C

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ - THỂ HIỆN	NGÀY HOÀN THÀNH
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
KS. Nguyễn Văn Nghi	Phạm Văn Hải	

CTY TNHH XD
 PHÚ NGUYÊN
 04 083 7108 68 P
 K.S. Nguyễn Văn Nghi

TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG TL:1/200



CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

- ghi chú:**
- 1 NHÀ ĐIỀU HÀNH
 - 2 RÀNH THOÁ
 - 3 HỒ KỸ THUẬT ĐƯỜNG
 - 4 HỒ KỸ THUẬT ĐƯỜNG
 - 5 HỒ KỸ THUẬT ĐƯỜNG
 - 6 HỒ KỸ THUẬT ĐƯỜNG
 - 7 HỒ TIẾP ĐÌA
 - 8 TRỤ BƠM ĐIỆN TỬ
 - 9 HỒ KỸ THUẬT ĐƯỜNG
 - 10 BỜN HOA KIẾNG (BẰNG QUẢNG CÁO)

- CHÚ THÍCH**
- S1** ĐÁ CẤP PHỐI 0x4 ĐÂY 150, LƯ LÊN CHẤT K=0.9 (DIỆN TÍCH: 454.50M²)
 - S2** SÀN BÊ TÔNG ĐÁ 4x6 MẠC 300 ĐÂY 100 (MẶT LĂNG VỮA XI MẮNG M75 D30 i=3% (DIỆN TÍCH: 57.50M²))
 - S3** SÀN BÊ KHÔNG CỘT THIỆP K=200 ĐÁ 1x2 ĐÂY 80 (CÁT 0 VUÔNG 1500x2000) (DIỆN TÍCH: 117.55M²)

CÔNG AN TỈNH TÂY NGUYÊN
 ĐÃ THẨM DUYỆT
 VỊ TRÍ PHONG CẢNH VÀ CHỖ ĐẶT CHỖ
 SỐ: 80 NGÀY 26/01/2012

CTY TNHH XD
 PHÚ NGUYỄN

CHỖ ĐẶT CHỖ VÀ CHỖ ĐẶT CHỖ

CÔNG TRÌNH: CỬA HÀNG XĂNG DẦU HUỖNH VÀ...
 HÀNG MỤC: XD MỚI 4 TRỮ BƠM
 ĐỊA ĐIỂM: ẤP ĐÀ HÒA XÃ HÒA LỢI HUYỆN CHÂU THÀNH
 TỈNH TRÀ VINH

TỔNG MẶT BẰNG CÔNG TRÌNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	THIẾT KẾ THỂ HIỆN	NGÀY HOÀN THIỆN
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
KS. Nguyễn Thành Nghi	Phạm Văn Hải	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HDXLCT

V/v: Cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 Quốc hội khoá XIII, kỳ họp thứ 10 nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 thông qua ngày 23/06/2014;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ tài Nguyên và môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 3-4-5-6.011.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 26/12/2018 và Giấy phép Kinh doanh của Công ty Cổ phần Môi trường Sao Việt;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các Bên.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng gồm có:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ MÊ KÔNG

Địa chỉ : Số 60-62 Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.

Điện thoại : 02923.810.817 Fax: 02923.810.810

Mã số thuế : 1800.277.683

Đại diện : (Ông) Nguyễn Duy Long Chức vụ: Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SAO VIỆT

Địa chỉ : Lô số 7, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Văn phòng đại diện tại Bình Dương: Số 27 Đại Lộ Bình Dương, Khu Phố Bình Hòa P. Lái Thiêu, TX. Thuận An, T. Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 3868 888

Fax: 0274. 3777 957

Tài khoản : 1007289988 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB), Chi nhánh Bình Dương.

Mã số thuế : 3500889960

Đại diện : Ông Đỗ Huy Dương

Chức vụ: Giám đốc Điều hành

Hôm nay ngày 07/09/2020, Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, ("Hợp đồng") với nội dung sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý chọn và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh sau quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên A.

- Tần suất thu gom CTNH theo số lượng khoán: 01 (một) lần/năm, dự kiến thời gian thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 01 tháng.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

- Địa điểm vệ sinh, thu gom, bốc dỡ chất thải nguy hại và giao nhận chất thải nguy hại: **THEO PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM**

- Địa điểm xử lý và tiêu hủy: **NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI SAO VIỆT** tại Lô số 7, Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, Xã Tóc Tiên, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- Trong thời gian chờ chuyển giao CTNH, Bên A có trách nhiệm quản lý CTNH theo quy định pháp luật như tập trung chất thải trong kho chứa có mái che, phân loại, dán nhãn và có biện pháp ứng phó an toàn sự cố khẩn cấp.

- Cung cấp Lịch trình, chuẩn bị giấy tờ và hướng dẫn Bên B thu gom sao cho có hiệu quả nhất, sao cho tổng thời gian thu gom không quá 06 (sáu) ngày.

- Bên A kê khai và sử dụng chứng từ CTNH theo quy định pháp luật và gửi cho nhân viên thu gom Bên B sau mỗi lần chuyển giao CTNH.

- Bên A cam kết thanh toán giá trị thuê vận chuyển thu gom và xử lý CTNH cho Bên B đúng hạn như đã nêu tại Điều 5 của hợp đồng này.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

- Bên B cung cấp phương tiện, nhân lực để thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Bên B tuân thủ các quy định của Bên A và chịu sự hướng dẫn của Bên A khi vào làm việc tại bên A.

- Chứng từ CTNH và hồ sơ vận, xử lý chuyển CTNH báo cáo cơ quan nhà Nước theo đúng quy định hiện hành và bàn giao đầy đủ chứng từ cho bên A.

- Không được bàn giao hay chuyển nhượng bán trao tay CTNH của bên A cho bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào. Nếu để xảy ra sự việc xử lý như sau:

+ Trường hợp bên A phát hiện, bên A có quyền đơn phương hủy bỏ hợp đồng và thông báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành của Nhà nước xử lý.

+ Trường hợp bị cơ quan chức năng Nhà nước phát hiện bắt giữ, bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình.

- Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự cố môi trường xảy ra có liên quan đến chất thải đã bàn giao và ra khỏi công bên A.

- Ký xác nhận hoàn trả chứng từ CTNH (liên 1) sau khi bên A chuyển giao chất thải nguy hại cho bên B.

- Ký xác nhận và hoàn trả chứng từ CTNH (liên 4, 5) sau khi bên B hoàn thành xử lý an toàn chất thải nguy hại cho bên A.

ĐIỀU 5: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG – THANH TOÁN

- Số lượng được xác định tại đơn vị Bên A hoặc kho bên B. Đại diện mỗi bên có đủ thẩm quyền ký xác nhận số lượng thực tế trên Biên bản giao nhận đã được hai bên thống nhất theo Mẫu.

STT	Tên chất thải	Khu vực	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chất thải nguy hại các loại phát sinh thực tế tại các kho và cửa hàng xăng dầu như giẻ lau nhiễm dầu, nước thải nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, bình ắc quy thải,.....khối lượng phát sinh tổng cộng khoảng 1.500kg	Bến Tre	2	4,000,000	8,000,000
2		Vĩnh Long	11	2,500,000	27,500,000
3		Trà Vinh	7	4,000,000	28,000,000
4		Đồng Tháp	2	5,000,000	10,000,000
5		Cần Thơ	4	4,000,000	16,000,000
6		Hậu Giang	1	5,000,000	5,000,000
7		Sóc Trăng	4	5,000,000	20,000,000
8		Bạc Liêu	1	5,500,000	5,500,000
9		An Giang	16	5,500,000	88,000,000
10		Cà Mau	2	6,000,000	12,000,000
Tổng			50		220,000,000
Thuế VAT 10%					22,000,000
Thành tiền					242,000,000

Tổng giá trị của Hợp đồng là 242.000.000 (hai trăm bốn mươi hai triệu đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT).

Ghi chú:

- ✓ Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- ✓ Đây là đơn giá thu gom của 01 năm, tần suất thu gom CTNH 01 đợt/năm.
- ✓ Khối lượng tối đa thu gom cho 50 địa điểm trên là 1.500kg cho mỗi đợt thu gom. Nếu khối lượng thu gom vượt định mức trên sẽ được tính 20.000đ trên mỗi kg khối lượng vượt, giá chưa bao gồm 10% thuế VAT.

Thanh toán: Mỗi năm, sau khi Bên B thực hiện xong việc thu gom vận chuyển và xử lý chất thải, Bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng từ như Điều 4 và phát hành hóa đơn VAT, khi đó hai bên tiến hành thanh quyết toán hợp đồng. Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng của năm đó trong vòng 15 ngày sau khi nhận được hóa đơn VAT.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực 03 (ba) năm, kể từ ngày ký.

- Nếu tại thời điểm hợp đồng hết hạn, hai Bên có tranh chấp chưa giải quyết được, hợp đồng được coi như vẫn tiếp tục có hiệu lực để các Bên tham chiếu thực hiện. Khi tranh chấp được giải quyết xong, hợp đồng tự động hết hiệu lực. Trong trường hợp hai bên vẫn tiếp tục hợp tác, hợp đồng sẽ được tiếp tục gia hạn hoặc ký kết hợp đồng mới.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện gặp khó khăn trở ngại, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết, không bên nào tự ý thay đổi. Trường hợp hai bên không tự giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án Thành phố Cần Thơ giải quyết theo luật quy định. Quyết định của Tòa án Thành phố Cần Thơ là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp bên thua kiện phải chịu 100%.

- Mọi điều khoản có liên quan không được qui định cụ thể tại hợp đồng sẽ được hai bên thực hiện theo qui định của Luật pháp Việt Nam.

- Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung khi có sự thỏa thuận giữa hai bên và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không tách rời hợp đồng chính và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản trong hợp đồng chính thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

- Hợp đồng được lập thành bốn (04) bộ, Bên A giữ hai (02) bộ, bên B giữ hai (02) bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



DANH SÁCH CÁC KHO VÀ CỬA HÀNG XĂNG DẦU THU**GOM CHẤT THẢI NGUY HẠI**

(Đính kèm Hợp đồng Số 01/DKMK.KHĐT-SV/2020/HDXLCT ngày 07/09/2020)

Stt	Địa điểm thu gom chất thải nguy hại
Khu vực Cần Thơ	
1	Xí Nghiệp tổng kho xăng dầu Mê Kông - KCN Hưng Phú, p.Phú Thứ, q.Cái Răng, tp.Cần Thơ
2	Cửa hàng xăng dầu số 02- Số 60-62 đường 3/2, P.Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ.
3	Cửa hàng xăng dầu số 04 - Khu Vực Rạch Chùa 2, Phường Châu Văn Liêm, Quận Ô Môn, Tp.Cần Thơ.
4	Cửa hàng xăng dầu số 05 - Số 561, KV Tân Thạnh 1, Phường Trung Kiên, Thốt Nốt, TP.Cần thơ.
Khu vực Hậu Giang	
1	Cửa hàng xăng dầu số 08 - Quốc Lộ 1A, Thị Trấn Cái Tắc, Huyện Châu Thành A, Hậu Giang.
Khu vực Sóc Trăng	
1	Kho xăng dầu Tân Thạnh - số 838/9 khóm 7, phường 8, TP.Sóc Trăng
2	Cửa hàng xăng dầu số 12 - Ấp An Bình, Xã An Lạc Thôn, H Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng.
3	Cửa hàng xăng dầu số 14 - Ấp Trương Hiền, Xã Thạnh Trị, Huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.
4	Cửa hàng xăng dầu số 15 - Thị trấn Thạnh Trị, H.Thạnh Trị, tỉnh Sóc trăng.
Khu vực Bạc Liêu	
1	Kho xăng dầu Bạc Liêu và CHXD số 17 - Quốc lộ 1A - Khóm Trà Kha - Phường 8 - TP.Bạc Liêu

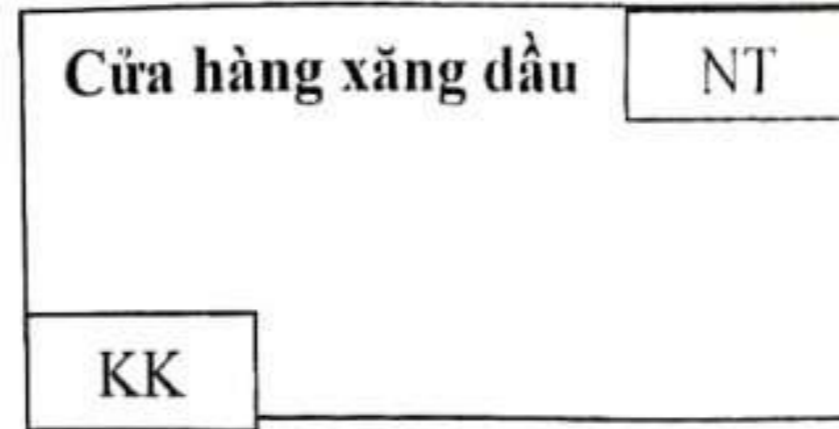
Khu vực Cà Mau	
1	Cửa hàng xăng dầu số 22 - QL1A , ấp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, TP.Cà Mau
2	Cửa hàng xăng dầu số 69 - ấp 2, xã Tân Lộc, huyện Thới Bình, Tp.Cà Mau
Khu vực Vĩnh Long	
1	Kho trung chuyên – Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Long -Ấp Thanh Mỹ 1, Xã Thanh Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long
2	Cửa hàng xăng dầu số 25 - 15A Phạm Hùng, P9, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
3	Cửa hàng xăng dầu số 27 - Ấp Mỹ Long, Xã Chánh An, Mang Thít, Vĩnh Long
4	Cửa hàng xăng dầu số 28 - Ấp Hưng Quới, Xã Thanh Đức, Long Hồ, Vĩnh Long
5	Cửa hàng xăng dầu số 29 - Ấp Đại Thọ, Xã Loan Mỹ, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long
6	Cửa hàng xăng dầu số 30 - Ấp Vĩnh Hòa, Xã Hựu Thành, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long
7	Cửa hàng xăng dầu số 31 - Ấp Phú Hòa, Xã Song Phú, H Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long
8	Cửa hàng xăng dầu số 34 - Ấp Quang Thạnh, Xã Hiếu Phụng, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long
9	Cửa hàng xăng dầu số 35 - Ấp Phú Hữu Đông, Xã Phú Thịnh, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long
10	Cửa hàng xăng dầu số 36 - Ấp An Hiệp, Xã Long An, H. Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long
11	Cửa hàng xăng dầu số 37 - 219A tổ 4, Ấp Tân Quới Đông, Xã Trường An, TP Vĩnh Long
Khu vực Bến Tre	
1	Kho Ba Tri Cảng cá Ba tri - Ấp An Thuận, Xã An Thủy, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre
2	Cửa hàng xăng dầu số 38 - Ấp Phú Nhơn, TT. Châu Thành, huyện Châu Thành, Bến Tre

8	Cửa hàng xăng dầu số 60 – khóm An Hòa A, TT.Ba Trúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
9	Kho Lam Sơn và cửa hàng xăng dầu số 61- TL 941, khóm 1, TT.Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.
10	Cửa hàng xăng dầu số 62 - ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
11	Cửa hàng xăng dầu số 63 - ấp Vĩnh Hòa, xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.
12	Cửa hàng xăng dầu số 64 - ấp Tô Lợi, xã Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
13	Cửa hàng xăng dầu số 65 - ấp Ninh Hòa, xã An Túc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang
14	Cửa hàng xăng dầu số 66 - 222 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành Phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
15	Cửa hàng xăng dầu số 67 – Ấp Ninh Thạnh, xã An Túc, Huyện Tri Tôn, Tỉnh AG.
16	Kho Tân Châu và CHXD số 68 – khóm Long Hưng 2, P.Long Sơn, TX.Tân Châu, An Giang.



PHỤ LỤC 2: BẢN ĐỒ/SƠ ĐỒ MINH HỌA ĐIỂM QUAN TRẮC

Cửa hàng xăng dầu số 44 Địa chỉ Ấp Đa Hòa Nam, xã Hòa Lợi, huyện Chương Mỹ,
tỉnh Trà Vinh



Đường

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;



Phuong Nam



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số 0006461 22
MSM PNE 22 1965 NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 44
Địa chỉ : Ấp Đa Hòa Nam, Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 10/06/2022
Ngày trả kết quả : 17/06/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 29:2010 BTNMT
				NT01	Cột B, Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe
1	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6,84	-
2	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	71	150
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	35	120
4	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	5,4	30
5	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	2,1 x 10 ³	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải điểm cuối đường ống thoát nước trước khi thải ra nguồn tiếp nhận;
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

KT. Giám đốc

Lại Minh Tiến

17/06/2022

Được quét bằng CamScanner

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiên)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0006459/22
MSM/PNE/22/1965/SX01

Tên mẫu : Không khí môi trường lao động
Tên khách hàng : CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 44
Địa chỉ : Ấp Đa Hòa Nam, Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 10/06/2022
Ngày trả kết quả : 17/06/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
				SX01	Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
1	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,85	8 ^a
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,5	85 ^b
3	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,04	10
4	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,07	10

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- SX01: Không khí tại cửa hàng;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- ^(a) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- ^(b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

Lê Minh Tiên

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 075/22
MSM PNL 22/1963/09/01

Loại mẫu : Không khí xung quanh
Khách hàng : CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 44
Địa chỉ : Ấp Đa Hòa Nam, Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 10/06/2022
Ngày trả kết quả : 17/06/2022

VINCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
				XQ01	Trung bình 1 giờ
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5067:1995	86,2	300
2	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	62,1	70 ^a
3	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 6137:2009	38,2	200
4	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5971:1995	46,5	350

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Bên ngoài cách cửa hàng khoảng 30m gần nhà dân;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- ^(a) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc
P. Giám đốc



**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM**

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;



ISO-MRA



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0009543/22
MVM-PNE 22/048-VT01

mẫu : Nước thải
khách hàng : CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 44
điểm lấy mẫu : Ấp An Bình, TT An Lạc Thôn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
lượng : 01 mẫu
ngày lấy mẫu : 05/11/2022
ngày trả kết quả : 12/11/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 29:2010/ BTNMT
				NT01	Cột B. Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe
1	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6,52	-
2	COD ⁽⁼⁾	mg/L	SMEWW 5220C:2017	67	150
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	TCVN 6625:2000	44	120
4	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	5,9	30
5	Coliform	MPN/ 100mL	TCVN 6187-2:1996	1,5 x 10 ³	-

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải điểm cuối đường ống thoát nước trước khi thải ra nguồn tiếp nhận;
- QCVN 29:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT Giám đốc
P. Giám đốc

Lại Minh Tiến

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiên)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 22
MM/PN/22/06/19/01

Loại mẫu : Không khí xung quanh
Khách hàng : CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 44
Điểm lấy mẫu : Ấp Đa Hòa Nam, Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Loại mẫu : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 05/11/2022
Ngày trả kết quả : 10/11/2022



ST	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
				XQ01	Trung bình 1 giờ
	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5067:1995	96,8	300
	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	66,9	70
	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 6137:2009	52,8	200
	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5971:1995	61,1	350

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- XQ01: Bên ngoài cách cửa hàng khoảng 30m gần nhà dân;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Minh Tiên

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiên)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu : Không khí môi trường lao động
Tên khách hàng : CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 44
Địa điểm lấy mẫu : Ấp Đa Hòa Nam, Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 05/11/2022
Ngày trả kết quả : 10/11/2022

VINCERTS 075

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
				SX01	Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
1	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,72	8
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	69,3	85
3	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,08	10
4	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,07	10

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- SX01: Không khí tại cửa hàng;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- ^(a) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- ^(b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

KT. Giám đốc



Lê Minh Tiên

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiên)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số 0006459/22
MSM-PNE 22/1963 SX01

Tên mẫu : Không khí môi trường lao động
Tên khách hàng : CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 44
Địa chỉ : Ấp Đa Hòa Nam, Hòa Lợi, Huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 10/06/2022
Ngày trả kết quả : 17/06/2022



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
				SX01	Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL)
1	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,85	8 ^a
2	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,5	85 ^b
3	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,04	10
4	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,07	10

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- SX01: Không khí tại cửa hàng;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- ^(a) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- ^(b) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp;
- (-): Không quy định/Không phân tích.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

Lê Minh Tiên

